

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA

Địa chỉ: Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

Số điện thoại: (079)3822223 – 3822201

Số fax: (079) 3822122 – 3825665

Email: fimexvn@vnn.vn

Website: www.fimexvn.com

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN



2015





01

THÔNG TIN
CHUNG

TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM

15

31

BÁO CÁO VÀ
ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN
GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ
CỦA
HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

39

45

QUẢN TRỊ
CÔNG TY

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH

55

THÔNG TIN CHUNG

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Định hướng phát triển

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Các rủi ro



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 2200208753 (Số cũ 5903000012 đăng ký lần đầu 19/12/2002, số mới 2200208753 đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch - Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp)
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng chẵn)
- Địa chỉ: Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.
- Số điện thoại: (079) 3822223 – 3822201
- Số fax: (079) 3822122 – 3825665
- Email: fimexvn@vnn.vn
- Website: www.fimexvn.com
- Mã cổ phiếu: FMC



Quá trình hình thành và phát triển



Ngày 09/10/2002, Ủy ban nhân dân Tỉnh Sóc Trăng có quyết định số 346/QĐ.TCCB.02 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng từ loại hình doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

2002



Ngày 09 tháng 08 năm 2005 công ty làm đầu giá 11% vốn điều lệ để giảm phần vốn nhà nước còn 49%.

2005



Công ty lại tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 79 tỷ đồng thông qua việc thường cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, thường cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của công ty và phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược. Ngày 20/07/2007, công ty tiếp tục niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu là 900.000 cổ phiếu.

2007

2003

Ngày 01/01/2003, Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần với tên công ty là: Công ty cổ phần Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN), hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19/12/2002 với Vốn điều lệ 104 tỷ đồng, trong đó nhà nước giữ 77% sở hữu. Ngày 22 tháng 11 năm 2003 công ty rút vốn điều lệ xuống 60 tỷ, phần vốn nhà nước còn 60%.



2006

22/06/2006 tại trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM) công ty tiếp tục đầu giá bán 16 tỉ đồng vốn sở hữu nhà nước. Ngày 7 tháng 12 năm 2006 cổ phiếu công ty được niêm yết lần đầu trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM với tên FMC với lượng 6 triệu cổ phiếu, trong đó phần nhà nước chiếm giữ 20%.





Ngày 21/05/2008, cổ phiếu FMC chính thức được niêm yết bổ sung thêm cổ phiếu theo công văn chấp thuận số 447/TB-SGDHCM ngày 19/05/2008 của HOSE, nâng tổng số lượng cổ phiếu FMC được niêm yết tại HOSE là 7.900.000 cổ phiếu.

2008



Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường diễn ra ngày 10/11/2012, thời điểm cuối tháng 03/2013 Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 5.000.000 cổ phiếu cho đối tác chiến lược là Công ty cổ phần Hùng Vương, nâng vốn điều lệ công ty lên 130 tỉ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 10,62%. Tháng 04/2013, cổ phiếu FMC tiếp tục niêm yết bổ sung 5.000.000 cổ phiếu, nâng tổng số niêm yết lên 13.000.000 cổ phiếu.

2013



Nhận thấy tình hình nuôi tôm đang phát triển, từ đầu năm 2015, FMC đưa thêm nhà máy chế biến tôm đông lạnh mới xây xong vào hoạt động, tăng công suất chế biến thêm 60%. Tháng 03/2015, Công ty đã hoàn thành việc niêm yết và lưu ký bổ sung đối với 7 triệu cổ phiếu vừa phát hành trong năm 2014.

2015

2009

Để đáp ứng điều kiện vốn điều lệ tối thiểu 80 tỷ đồng đúng theo quy định để cổ phiếu FMC được tiếp tục niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), đến tháng 02/2009 công ty phát hành xong thêm 1 tỷ đồng cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 17,25%. Tháng 05/2009, cổ phiếu FMC chính thức niêm yết bổ sung 100.000 cổ phiếu, nâng tổng số 8.000.000 cổ phiếu được niêm yết tại HOSE, đáp ứng đủ điều kiện vốn điều lệ 80 tỷ đồng và tiếp tục niêm yết tại HOSE theo quy định của Luật Chứng khoán.



2014

Công ty đã phát hành thành công công 7 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ công ty từ 130 tỉ lên thành 200 tỉ đồng. Việc phát hành này đã thực hiện xong tại thời điểm 31/12/2014.



Tình hình hoạt động

- Qua thời gian hoạt động từ năm 1996 đến nay Công ty làm ăn đều tốt, có lãi. Ngay năm hoạt động thứ 2 Công ty đã thu hồi vốn đầu tư ban đầu và đứng vào top 5 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu tôm lớn nhất nước kéo dài từ 1997 đến nay. Nhiều năm liền Công ty dẫn đầu cả nước về lượng tôm tinh chế xuất vào Nhật Bản.
- Về mặt uy tín thương hiệu và hiệu quả sản xuất kinh doanh: Công ty nằm trong top dẫn đầu, 8 năm liền 1997-2004 và năm 2006 Công ty được Chính phủ tặng thưởng Cờ Thi đua
- FMC có vùng nuôi tôm riêng rộng 160 hecta, đạt chuẩn BAP, ASC tạo thêm an tâm về tôm sạch tới khách hàng. Hàng trăm hecta hợp tác nông dân để gieo trồng nông sản phục vụ chế biến xuất khẩu.
Năm 2013, FMC vượt mốc 100 triệu USD doanh số. Dự kiến năm 2016 sẽ đạt mốc 150 triệu USD.
- Với thành tích hơn 18 năm hoạt động hiệu quả cao, Công ty đã được Chính phủ 9 lần tặng thưởng cờ thi đua, danh hiệu Anh hùng lao động và Huân chương lao động hạng I, II, III.

Các sự kiện khác

Trong năm 2011, Công ty đã thực hiện đăng ký với Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM về việc bán 777.370 cổ phiếu quỹ để có nguồn phục vụ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên do giá cổ phiếu FMC trên thị trường chứng khoán không đạt theo yêu cầu mong đợi nên không có giao dịch. Đến năm 2014, Công ty mới bán hết lượng cổ phiếu quỹ.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ trong ngành chế biến.
- Nuôi trồng thủy sản.
- Mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế.
- Kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống.
- Gieo trồng, sản xuất, xuất khẩu và tiêu thụ nội địa hàng nông sản.

Các sản phẩm chính

Nobashi



Breaded Item



Vegetable



Raw



Pre – fried shrimp



Cooked

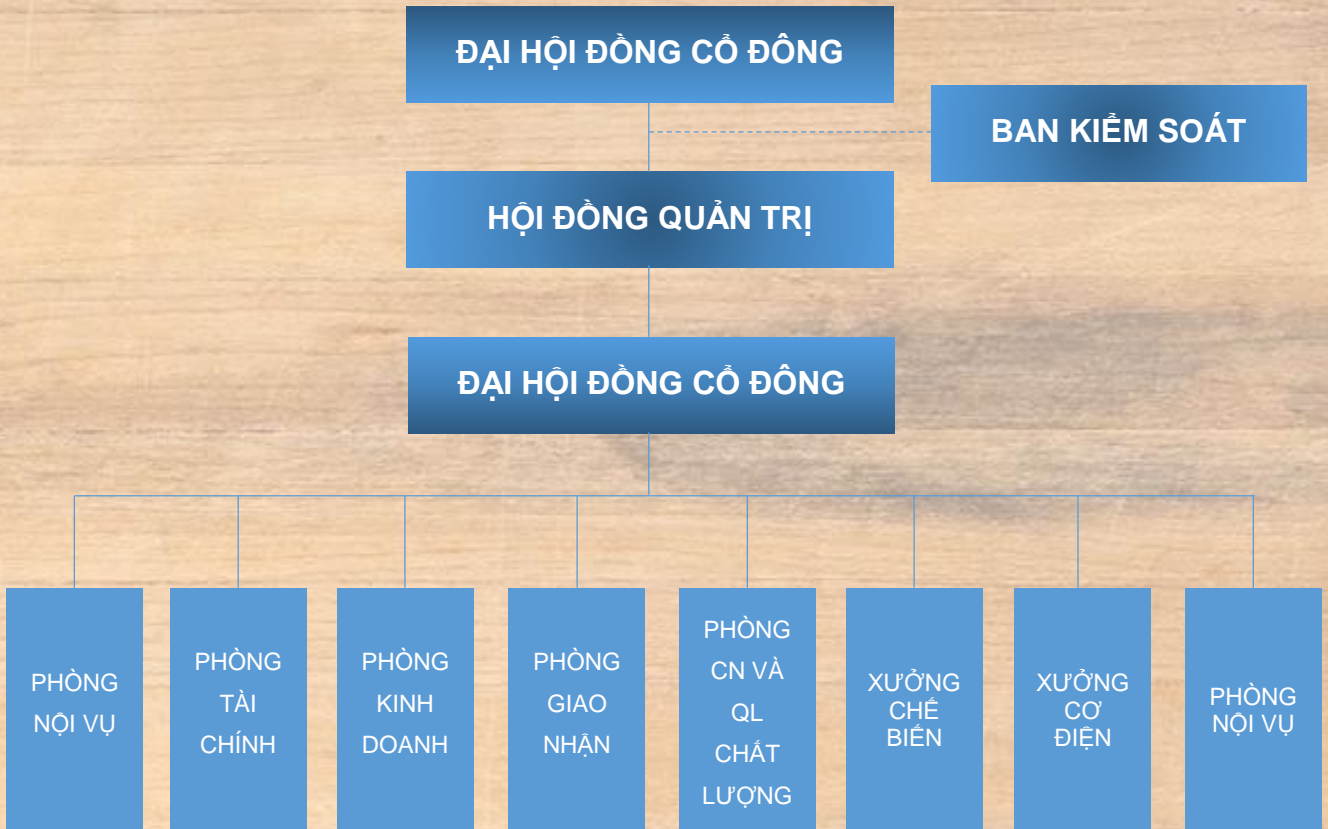


Địa bàn kinh doanh

Hai mảng sản xuất kinh doanh chính của Công ty là mặt hàng tôm đông lạnh và nông sản xuất khẩu hoạt động chủ yếu tại địa bàn tỉnh Sóc Trăng bao gồm cả các chi nhánh trực thuộc như sau:

- Xí nghiệp Thủy sản Sao Ta. Địa chỉ: Đường N1, Lô B Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng
- Nhà máy thực phẩm An San. Địa chỉ: Đường N2, Lô B Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng

Mô hình quản trị



Cơ cấu bộ máy bộ máy quản lý

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS).

Hội đồng quản trị

HĐQT gồm có 05 thành viên trong đó 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 Thành viên. HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Ban Kiểm soát

Là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát Bao gồm 03 thành viên: 01 Trưởng ban và 02 Thành viên.

Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng giám đốc gồm 06 thành viên (Tổng giám đốc và 05 Phó Tổng giám đốc), 01 kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi giao dịch, quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty. Tổng Giám đốc do Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm. Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty là người giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty theo sự phân công.

Các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc

Các phòng ban chức năng hỗ trợ cho Ban Giám đốc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được vận hành tốt. Công ty gồm có các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc như sau: Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Giao nhận, Phòng Công nghệ và Quản lý chất lượng, Xưởng Cơ điện, Xưởng chế biến, Nhà máy Thực phẩm An San, Xí nghiệp Thủy sản Sao Ta.

Các công ty con, công ty liên kết

Không có.



Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- **Mục tiêu chiến lược:** Góp phần ngày càng đáng kể trong chuỗi giá trị tạo ra nguồn thực phẩm ngon, bổ dưỡng; tác động kích thích các khâu có liên quan như nuôi, gieo trồng, khai thác, bảo quản sau thu hoạch, dịch vụ. làm tăng việc làm, tăng của cải xã hội.
- **Mục tiêu cụ thể:** Giữ vững uy tín thương hiệu, chất lượng sản phẩm, mở rộng sản xuất chiều rộng lẫn chiều sâu, chủng loại sản phẩm nhằm đạt mức tăng trưởng 10-20%/năm về dài hạn, đứng trong top 5 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu nông thủy sản lớn nhất nước.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Đa dạng hóa sản phẩm từ nguyên liệu thủy sản và nông sản trên nền tảng tìm hiểu khả năng cung cầu các mặt hàng cụ thể trên thị trường thế giới kết hợp với thế mạnh về đất đai, lao động của địa phương
- Từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ, hết sức chú trọng về chiều sâu, các mặt hàng tinh chế nhằm tăng thế mạnh cạnh tranh, doanh số, lợi nhuận.
- Việc tổ chức nuôi, trồng, chế biến có chọn lọc và tổ chức trên nền tảng hạn chế tối đa gây tổn hại môi trường và lợi ích cộng đồng.



Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Kinh tế thế giới

Bức tranh chung về tình hình kinh tế thế giới trong năm 2015 tuy chưa thực sự khởi sắc nhưng cũng đã bớt âm ảm hơn. Nhịp độ tăng trưởng chung của nền kinh tế thế giới vẫn chưa được như mức dự báo. Theo số liệu mới nhất của Ngân hàng Thế giới (WB), tốc độ tăng trưởng toàn cầu năm 2015 là 2,4%, nhưng về cơ bản có thể thấy, những tác động của khủng hoảng tài chính và nợ công đã không còn trầm trọng, kinh tế toàn cầu bắt đầu thích nghi dần với những biến động về chính trị, an ninh.

Giá dầu và giá nguyên liệu giảm sâu tác động tiêu cực tới các nước xuất khẩu dầu và nguyên liệu lớn. Năm 2015, thế giới đã chứng kiến việc giá nguyên liệu và dầu thô tiếp tục giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm qua.

Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) giữa Mỹ với 11 nước thành viên khu vực đã được ký kết. Đây được xem là hiệp định của thế kỷ, TPP quy tụ các quốc gia đang nắm giữ tới 40% GDP toàn cầu và có thể giúp kinh tế toàn cầu gia tăng thêm 300 tỷ USD mỗi năm. Làn sóng các hiệp định thương mại tự do (FTA) và

Những biến động kinh tế trong nước và thế giới, nhất là thị trường tiền tệ đều đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Thực phẩm Sao Ta. Những biến động này trực tiếp ảnh hưởng đến giá cả, sức cạnh tranh, giá thành sản xuất, nguyên liệu đầu vào,... là những rủi ro mà FMC phải đối mặt khi có những thay đổi dù là nhỏ hay lớn. Do đó, FMC luôn chủ động tìm hiểu những thông tin kinh tế và nắm bắt một cách nhanh nhất để kịp đề ra những biện pháp phù hợp đáp ứng tình hình thực tế đưa hoạt động của Công ty đảm bảo năng suất và hiệu quả.

TPP mang lại ưu đãi lớn cho các doanh nghiệp xuất khẩu vì tập trung mở cửa thị trường hàng hóa bằng việc giảm thuế nhập khẩu tại các thị trường đối tác. Theo đó, mặt hàng tôm có lợi thế rõ rệt sau khi ký kết các FTA song phương với Hàn Quốc, EU, Liên minh Kinh tế Á – Âu và TPP. Thuế nhập khẩu hầu hết các sản phẩm tôm nguyên liệu được giảm về 0% ngay khi hiệp định có hiệu lực.

Kinh tế Việt Nam

Theo công bố mới nhất của Tổng cục Thống kê, GDP cả nước năm 2015 ước tính tăng 6,68% so với năm 2014, GDP bình quân đầu người năm 2015 ước tính đạt 45,7 triệu đồng, tương đương 2109 USD, tăng 57 USD so với năm 2014.

Vượt lên nhiều khó khăn thách thức, kinh tế Việt Nam năm 2015 được các tổ chức quốc tế đánh giá là “một trong những điểm sáng hiếm hoi của kinh tế châu Á”.

Năm 2015, lạm phát 0,6% là mức thấp nhất trong 14 năm gần đây. Đây là kết quả của chính sách ổn định kinh tế vĩ mô cùng với việc giảm giá nhiên liệu.



SK

Rủi ro tỷ giá

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu là xuất khẩu thủy sản (chiếm trên 90% doanh thu) nên doanh thu của Công ty chủ yếu là bằng Đô la Mỹ, do đó việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng như tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Chẳng hạn, khi tỷ giá tăng dẫn đến doanh thu theo tiền đồng tăng lên và ngược lại. Ngoài ra, rủi ro về tỷ giá cũng tác động lên chi phí lãi vay khi hầu hết các khoản vay ngắn hạn của Fimex là vay USD.

Năm 2015, đồng USD tăng giá mạnh so với tiền tệ của các nước lớn cùng với động thái thả nổi hoặc phá giá đồng nội tệ của một số nước khiến cho thị trường bất ổn: nhu cầu giảm, áp lực cạnh tranh tăng. Đặc biệt là chính sách tỷ giá của Trung Quốc khiến cho thị trường tài chính và hàng rào hàng hóa xáo trộn.

Rủi ro lãi suất

Thị trường tiền tệ ổn định, mặt bằng lãi suất giảm thêm một ít so với năm 2014. Nợ xấu cũng được cải thiện hơn nhờ nỗ lực tái cơ cấu nợ và xử lý nợ xấu từ phía ngân hàng nhà nước và các ngân hàng thương mại. Nhờ đó, các doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận vốn vay dễ dàng hơn, từng bước tháo gỡ khó khăn về chi phí tài chính cho doanh nghiệp.

Công ty FMC luôn có nhu cầu vay vốn ngắn hạn từ ngân hàng để tài trợ vốn lưu động phục vụ xuyên suốt cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như vận hành vùng nuôi hay mua nguyên tôm liệu. Do đó, một khi có biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vay vốn và sẽ tác động đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

Rủi ro luật pháp

Là Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần với lĩnh vực kinh doanh nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản nên Công ty Cổ phần Thực Phẩm Sao Ta chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thủy sản, Luật Thương mại, các Luật về Thuế... và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Hệ thống pháp luật về kinh doanh trong lĩnh vực này hiện nay nhìn chung còn chưa thật sự nhất quán và ổn định, vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo, việc áp dụng các văn bản pháp luật vào thực tế còn nhiều bất cập. Ngoài ra, với đặc thù là doanh nghiệp xuất khẩu, chủ yếu vào các thị trường Mỹ, Nhật, EU và Hàn Quốc, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự ảnh hưởng của các chính sách, luật và các quy định khác do chính phủ của các quốc gia mà Công ty xuất khẩu ban hành.

Rủi ro đặc thù

Rủi ro về thị trường tiêu thụ: Các thị trường tiêu thụ chính của CTCP Thực phẩm Sao Ta là Nhật Bản, Hoa Kỳ và EU - đây là những thị trường khó tính với những quy định, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm đòi hỏi Công ty luôn chú trọng đầu tư về công nghệ, dây chuyền cũng như quy trình để có thể sản xuất sản phẩm đáp ứng những tiêu chí trên. Mặc dù, Công ty luôn chú trọng các tiêu chuẩn nhưng lại phụ thuộc rất nhiều vào chính sách của bên nhập khẩu, nếu có sự thay đổi từ bên nhập khẩu sẽ khiến cho Công ty rơi vào thế bị động, tăng thêm chi phí sửa đổi, thay đổi quy trình.

Rủi ro cạnh tranh: Ngành thủy sản ở Việt Nam có hàng trăm doanh nghiệp nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu tuy nhiên việc đầu tư thấp, dàn trải và không đồng bộ, có nhiều Công ty nhỏ lẻ bán giá thấp kèm theo chất lượng sản phẩm thấp đã làm cho mặt bằng giá thị trường không ổn định ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, thương lái Trung Quốc luôn cạnh tranh với Công ty trong việc thu mua tôm nguyên liệu, khiến giá tôm bị đẩy lên cao cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về các yếu tố đầu vào: Nguồn nguyên liệu chủ yếu của Công ty là tôm, do đó các biến động liên quan đến nguyên liệu đầu vào đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: thời tiết, môi trường nuôi trồng, nguồn nước, chất lượng con giống, công nghệ nuôi, thức ăn, dịch bệnh.....Để đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất với chi phí hợp lý, Công ty luôn chuẩn bị kế hoạch thu mua tôm nguyên liệu chi tiết, liên kết, phối hợp chặt chẽ với nguồn nuôi để đảm bảo nguồn dự trữ và tồn kho hợp lý, đồng thời tự triển khai phát triển vùng nuôi tôm để chủ động một phần nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh giúp đem lại nguồn vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đồng thời khẳng định uy tín, tăng thanh khoản, công khai minh bạch hơn, góp phần quảng bá thương hiệu của Fimex đến với nhà đầu tư sâu và rộng hơn nữa. Tuy nhiên, giá chứng khoán được quyết định bởi nhiều yếu tố không chỉ do việc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mà còn bởi các yếu tố như tình hình kinh tế - xã hội – chính trị trong và ngoài nước, cung – cầu cổ phiếu, yếu tố tâm lý nhà đầu tư... Nếu có sự thay đổi của giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thương hiệu, giá trị và sự tin tưởng của nhà đầu tư vào Công ty.

Rủi ro khác

Những rủi ro về môi trường như thiên tai, lũ lụt, hạn hán; chiến tranh dịch họa,... tuy xác suất xảy ra không lớn nhưng nếu phát sinh sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc hoạt động kinh doanh của Công ty và gây tổn thất nghiêm trọng.

A 3D puzzle with several white pieces and one blue piece. The word "RISK" is printed in bold, black, sans-serif capital letters on a white puzzle piece. The puzzle pieces are arranged in a way that suggests a larger, partially completed structure. The blue piece is located in the bottom-left corner, and the "RISK" piece is in the center. The background is white, and the lighting creates soft shadows on the puzzle pieces.

RISK

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường

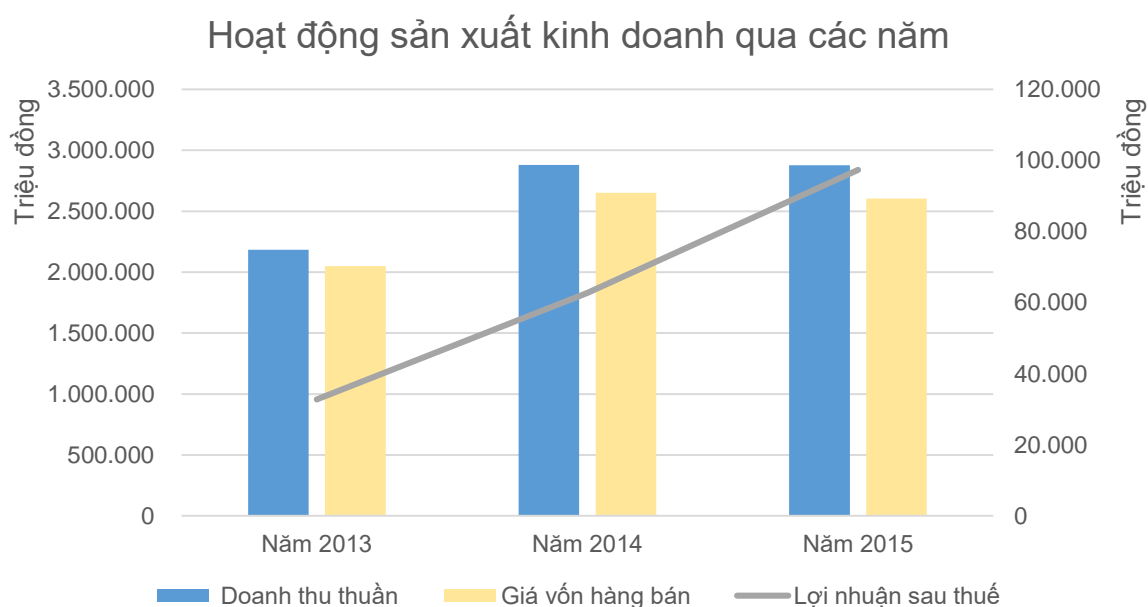




Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% 2015/2014
1	Tổng giá trị tài sản	1.189.902	1.343.959	112,95%
2	Doanh thu thuần	2.880.762	2.876.721	99,86%
3	Giá vốn hàng bán	2.652.807	2.604.870	98,19%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	78.148	95.555	122,27%
5	Lợi nhuận khác	403	9.099	2255,50%
6	Lợi nhuận trước thuế	78.552	104.654	133,23%
7	Lợi nhuận sau thuế	62.790	97.363	155,06%
8	Tỷ lệ cổ tức	15%	50%	-

(ĐVT: Triệu đồng)

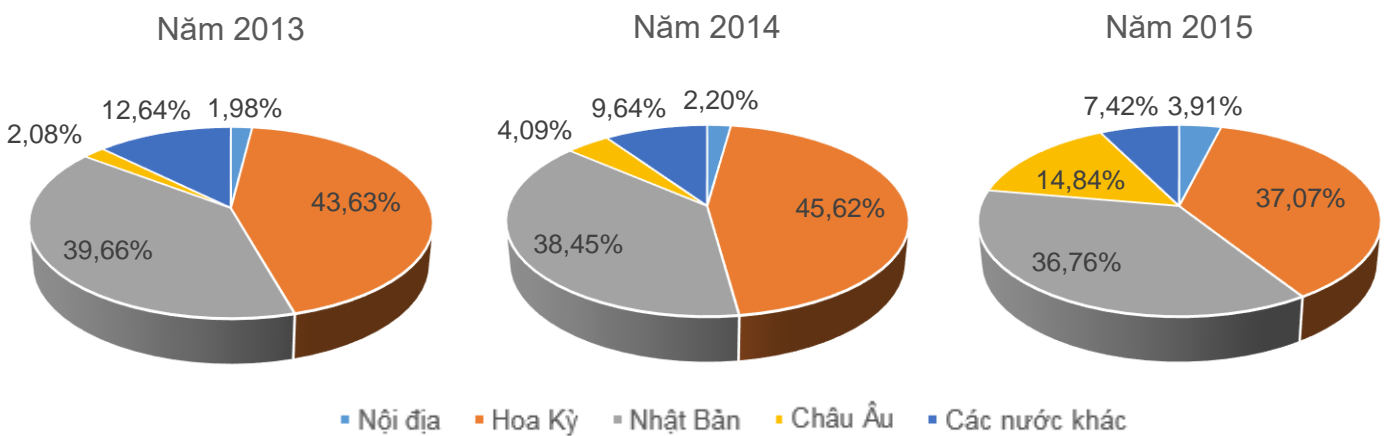


Nhìn chung năm 2015 là một năm thuận lợi cho hoạt động khai thác thủy sản với sản lượng khai thác tăng, nhưng hoạt động nuôi trồng thủy sản lại gặp nhiều khó khăn. Mặc dù sản lượng thủy sản tăng nhưng nhìn chung, nuôi trồng thủy sản năm 2015 gặp rất nhiều khó khăn, chủ yếu đến từ thị trường xuất khẩu. Việc nuôi trồng tôm cũng gặp nhiều khó khăn vì gặp bất lợi về thời tiết, mưa nắng thất thường đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình nuôi. Tuy gặp nhiều khó khăn trong năm 2015, nhưng với sự cố gắng, nỗ lực của Ban điều hành Công ty đã khai thác tốt sản lượng, thu thập thông tin chính xác, đề ra những kế hoạch cụ thể trong từng giai đoạn nên đã cải thiện được tình hình khá quan hơn.

Tổng giá trị tài sản đạt giá trị 1.344 tỉ chiếm 112,95% so với năm 2014, Doanh thu thuần năm 2015 giảm nhẹ so với cùng kì đạt mức 2.877 tỉ chiếm 99,86% so với năm 2014. Tuy doanh thu có mức sụt giảm chủ yếu do đơn giá tiêu thụ giảm nhưng giá vốn hàng bán, chi phí cũng giảm so với năm trước nên lợi nhuận sau thuế đạt giá trị 97 tỉ, tăng 55,06% so với cùng kì năm trước. Kết quả năm 2015 vẫn tăng trưởng hoàn toàn là do sự nỗ lực của Ban điều hành; toàn thể cán bộ, công nhân viên và tập thể người lao động của CTCP Thực phẩm Sao Ta.

Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nội địa	43.160	1,98	63.738	2,20	112.885	3,91
Hoa Kỳ	953.116	43,63	1.323.178	45,62	1.070.784	37,07
Nhật Bản	866.367	39,66	1.115.201	38,45	1.062.042	36,76
Châu Âu	45.543	2,08	118.685	4,09	428.818	14,84
Các nước khác	276.207	12,64	279.575	9,64	214.371	7,42
Tổng cộng	2.184.393	100	2.900.377	100	2.888.900	100

(ĐVT: Triệu đồng)



Với vị trí nhà máy chế biến đặt tại TP Sóc Trăng, gần trục lộ giao thông chính, kề bên khu dân cư và cách vùng nguyên liệu tôm trọng điểm của tỉnh từ 20-30 km, FMC thuận lợi trong việc vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm, thu hút lao động cũng như mở rộng ngành nghề sau này. Qua hơn 18 năm hoạt động, FMC đã đặt được nền tảng vững chắc ở 2 thị trường lớn là Nhật Bản và Hoa Kỳ; đồng thời giữ một thị phần khá tốt ở EU, Hàn Quốc. Trình độ chế biến sản phẩm tôm ở FMC thuộc hàng đầu ở Việt Nam và đã được tiêu thụ ở các hệ thống nhà hàng, hệ thống phân phối lớn. Với bề dày kinh nghiệm và không ngừng lớn mạnh qua thời gian, FMC đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận, giữ được một vị trí nhất định trong việc xuất khẩu cho các đối tác lớn, yêu cầu về chất lượng sản phẩm cao, đòi hỏi một quy trình nghiêm ngặt, vệ sinh an toàn thực phẩm. Giá trị xuất khẩu hàng nông sản, thủy sản qua các năm của FMC được duy trì khá tốt, trong đó, giá trị xuất khẩu có tỉ trọng cao nhất được đóng góp từ 2 thị trường Hoa Kỳ và Nhật Bản luôn chiếm trên 70% trong cơ cấu doanh thu hàng năm. Đây là một thuận lợi để hình ảnh của CTCP Thực phẩm Sao Ta phát triển hơn ra thị trường bên ngoài, mở rộng sản xuất, kinh doanh; duy trì mối quan hệ với những khách hàng lớn.

Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hồ Quốc Lực	Tổng Giám đốc	
2	Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc	
3	Dương Ngọc Kim	Phó Tổng Giám đốc	
4	Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
5	Đình Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc	
6	Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 01/04/2015
7	Tô Minh Chăng	Kế toán trưởng	



Ông Hồ Quốc Lực – Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	07/05/1956
Nơi sinh	tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(079) 3822223
Trình độ học vấn	Tiến sĩ
Trình độ chuyên môn	Kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ 1983 – 1986	Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty Thủy sản XNK Hậu Giang
- Từ 1986 – 1991	Phó phòng Kế hoạch Xí nghiệp đông lạnh II Hậu Giang
- Từ 1991 – 1992	Trưởng phòng Nghiệp vụ Xí nghiệp đông lạnh II
- Từ 1992 – 1994	Phó Giám đốc Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
- Từ 1994 – 1996	Trưởng ban quản lý xây dựng cơ sở Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
- Từ 1996 – 2003	Giám đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 2003 – 2006	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta, Chủ tịch Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP)
- Từ 2007 – tháng 10/2009	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Tháng 10/2009 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	390.000

Ông Phạm Hoàng Việt – Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	25/11/1964
Nơi sinh	tỉnh Hậu Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(079) 3822201/3822223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- Từ 1986 – 1992	Nhân viên phòng Kinh doanh – Đại lý Yamaha
- Từ 1992 – 1996	Sinh viên trường Đại học Quản trị kinh doanh
- Từ 1996 – 04/1997	Nhân viên Phòng XNK - Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
- Từ 04/1997 – 2002	Trưởng phòng Thương mại Công ty Thực phẩm XNK TH Sóc Trăng
- Từ 2003 – 2004	Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 01/2005 – 08/2005	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	106.875

Bà Dương Ngọc Kim – Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nữ
Ngày sinh	18/08/1958
Nơi sinh	tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(079) 3822203
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật, cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- Từ 1978 – 1986	Trưởng ca sản xuất tại Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
- Từ 1987 – 1992	Trưởng ca sản xuất tại Xí nghiệp Đông lạnh Cần Thơ (Cafatex)
- Từ 1992 – 1995	Phó Quản đốc Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 1996 – 1997	Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
- Từ 1997 – 2003	Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 04/2007 – 10/2009	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 10/2009 – 16/04/2010	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	94.125

Ông Mã Ích Hưng – Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	11/02/1970
Nơi sinh	phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Hoa
Điện thoại liên lạc	(079) 3822223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ 02/1992 – 01/1996	Công nhân Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
- Từ 02/1996 – 07/1997	Công nhân Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
- Từ 08/1998 – 12/2002	Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 01/2003 – 12/2004	Quản đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 01/2005 – 05/2006	Thành viên Ban kiểm soát, Quản đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 06/2006 – 30/11/2008	Thành viên Ban kiểm soát, Trợ lý Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 12/2008 – 06/2009	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 24/07/2009 – 16/04/2010	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 16/04/2010 – 31/07/2010	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	51.825

Ông Đinh Văn Thới – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/10/1962
Nơi sinh	huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(079) 3822223
Trình độ học vấn	Thạc sĩ
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác:	
Từ 1981 – 1986	Sinh viên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh
Từ 1987 – 1990	Cán bộ kỹ thuật Xưởng cơ khí Nông nghiệp I Hậu Giang, Phó quản đốc phân xưởng cơ khí Xí nghiệp cơ khí Sóc Trăng
Từ 1990 - 1992	Học ngành máy lạnh tại Trung tâm nghiên cứu thiết bị nhiệt và năng lượng mới – Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh
Từ 1996 - 12/2002	Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
Từ 01/2003 - 12/2004	Thành viên Ban Kiểm soát, Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 2005 – 30/11/2008	Thành viên Ban Kiểm soát, Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 01/12/2008 – 31/03/2010	Phó Giám đốc Nhà máy nông sản An San
Từ 01/04/2010 – 16/04/2010	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 16/04/2010 – 26/04/2013	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	51.375

Ông Hoàng Thanh Vũ – Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	26/02/1978
Nơi sinh	Mỏ Cà, Bến Tre
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(079) 3822 223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chế biến thủy sản
Quá trình công tác:	
- Từ 05/2000 – 04/2001	Công nhân Công ty TNHH Kim Anh, tỉnh Sóc Trăng
- Từ 05/2001 – 06/2002	Công nhân Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 06/2002 – 12/2002	Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 01/2003 – 02/2005	Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 03/2005 – 04/2010	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2010 – 04/2013	Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2013 – 04/2015	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2015 – nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	63.165

Ông Tô Minh Chăng – Kế toán trưởng

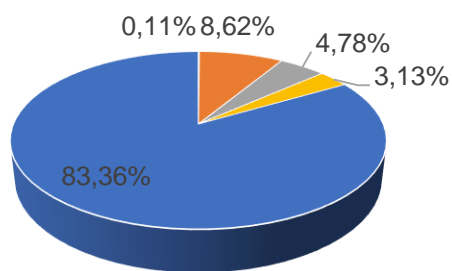
Giới tính	Nam
Ngày sinh	12/06/1970
Nơi sinh	xã Hòa Đông, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(079) 3822223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác:	
Từ 02/1994 – 09/1997	Nhân viên kế toán Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
Từ 01/2003 – 05/2003	Nhân viên kế toán, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 06/2003 – 12/2004	Nhân viên kế toán, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 01/2005 – 31/07/2006	Kế toán tổng hợp, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 01/08/2006 – 17/08/2006	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 18/08/2006 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	53.400

Số lượng CBCNV

Tổng số người lao động: **2.843** Người

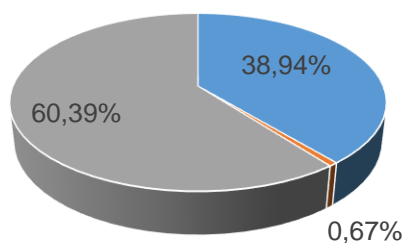
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	2.843	100
1	Trình độ trên Đại học	3	0,11%
2	Trình độ Đại học & Cao đẳng	245	8,62%
3	Trình độ Trung cấp	136	4,78%
4	Công nhân kỹ thuật	89	3,13%
5	Lao động phổ thông	2.370	83,36%
II	Theo loại hợp đồng lao động	2.843	100
1	Hợp đồng không thời hạn	1.107	38,94%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	19	0,67%
3	Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm	1.717	60,39%
III	Theo giới tính	2.843	100
1	Nam	929	32,68%
2	Nữ	1.914	67,32%

Theo trình độ lao động



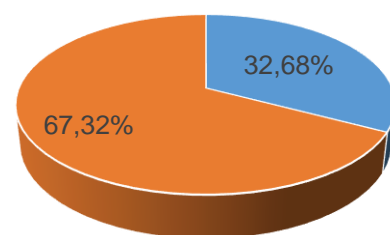
- Trình độ trên Đại học
- Trình độ Đại học & Cao đẳng
- Trình độ Trung cấp
- Lao động phổ thông

Theo loại hợp đồng lao động



- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)
- Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm

Theo giới tính



- Nam
- Nữ

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện công việc đòi hỏi mà các đội có thể thay đổi thời giờ làm việc trong ngày cho phù hợp hoặc làm thêm giờ nhưng phải bảo đảm số giờ tiêu chuẩn của ngày làm việc do Công ty quy định.

Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12, 14 hoặc 16 ngày/năm tùy theo điều kiện làm việc. Nếu chưa đủ 12 tháng thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính tương ứng với số tháng làm việc trong năm. Công ty sẽ tăng số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian làm việc của nhân viên, cứ mỗi 5 năm làm việc sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

Ngoài ra, hàng năm, tất cả nhân viên của Công ty đều được nghỉ lễ 8 ngày/năm. Nếu những ngày này trùng với những ngày nghỉ khác, thì nhân viên được nghỉ bù vào ngày tiếp theo.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng nhân sự mới theo quy trình được thiết lập để đảm bảo nhân viên mới có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Trong dài hạn, Công ty ưu tiên nguồn nhân lực ở địa phương vì có tính ổn định và chất lượng khá cao.

Công ty đảm bảo toàn bộ nhân viên được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn, thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng, chuyên môn cần thiết được thực hiện tại Công ty hoặc đào tạo các khóa học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của Công ty được lập từ đầu năm.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo như: phổ biến nội quy quy định của Công ty, đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng như: HACCP, OHSAS 18001, ISO 9001-2008, ISO 14001-2004...

Ngoài ra, Công ty còn thuê các chuyên gia đến Công ty trực tiếp đào tạo, hay gửi công nhân đi tham dự các khóa học chuyên ngành...

Để thực hiện tốt công tác đào tạo, Công ty và người lao động thỏa thuận cam kết về nghĩa vụ và quyền lợi của hai bên trong quá trình học tập, khả năng công tác và thời gian phục vụ Công ty sau khi học tập

Lương, thưởng, trợ cấp

Để tạo sự công bằng, hiện nay Công ty trả lương theo sản phẩm làm ra, không người lao động nào có thể dựa dẫm hoặc ăn theo người khác, từ đó tạo “đòn bẩy” về mặt kinh tế thúc đẩy sự hăng say trong công việc của mọi người lao động. Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty qua các năm được cải thiện đáng kể.

Hàng năm, Công ty dùng một khoản tiền được trích từ lợi nhuận theo quy định để khen thưởng cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Chính sách khen thưởng của Công ty là theo bình bầu xếp loại A, B, C.

Những thay đổi trong ban điều hành

Không có.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư trong năm: Trong năm 2015, tổng số tiền mua sắm mới máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng và các tài sản khác của Công ty khoảng 112,6 tỷ đồng.

Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

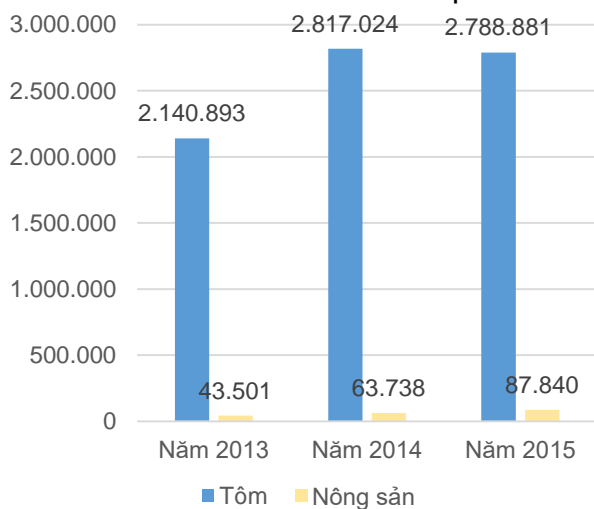
Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

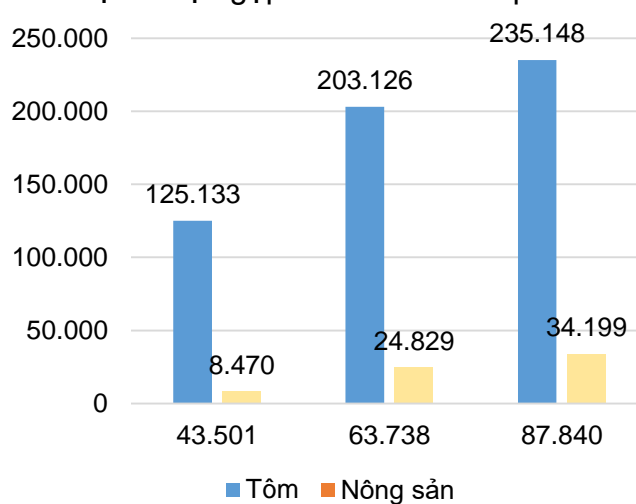
Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu	2.184.394	100	2.880.762	100	2.876.721	100
Tôm	2.140.893	98,01	2.817.024	97,79	2.788.881	96,95
Nông sản	43.501	1,99	63.738	2,21	87.840	3,05
Lợi nhuận gộp	133.603	100	227.955	100	269.347	100
Tôm	125.133	93,66	203.126	89,11	235.148	87,30
Nông sản	8.470	6,34	24.829	10,89	34.199	12,70

(ĐVT: Triệu đồng)

Doanh thu theo nhóm sản phẩm



Lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm



Giá trị đóng góp vào doanh thu của nhóm nuôi trồng và buôn bán tôm luôn chiếm hơn 95% trong cơ cấu doanh thu qua các năm. Do nắm bắt được triển vọng của việc khai thác mảng kinh doanh này và có chiến lược khai thác cụ thể đã đem về những kết quả khả quan cho Công ty. Cụ thể, năm 2015 giá trị buôn bán tôm là 2.876 tỷ đồng, tuy có giảm 1% so với năm 2014, là do những khó khăn phát sinh trong năm như giá tôm liên tục giảm, thời tiết trong năm lại thất thường,...nhưng do chính sách cắt giảm chi phí hợp lý, đón đầu được xu thế thị trường của Ban Giám đốc đã đưa lợi nhuận Công ty đạt mức tăng trưởng 15,76%.

Mảng kinh doanh nông sản tuy chỉ đóng góp một tỉ trọng nhỏ nhưng vẫn là một phần khá quan trọng trong cơ cấu sản xuất kinh doanh của FMC. Giá trị doanh thu của mặt hàng Nông sản khá thuận lợi, tăng đều qua các năm. Cụ thể, Doanh thu năm 2015 là 87.840 tỷ đồng chiếm 3,05% trong cơ cấu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,26	1,10
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,59	0,65
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,67	0,74
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,06	2,90
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	6,38	5,35
Vòng quay tổng tài sản + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	2,98	2,27
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,18%	3,38%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	20,10%	26,52%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,50%	7,68%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,71%	3,32%



Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Cổ phần

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Thực phẩm Sao Ta

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số cổ phần (tại thời điểm 05/04/2016)

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 30.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 30.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông (tại thời điểm 05/04/2016, sau khi tăng Vốn Điều lệ lên 300 tỷ đồng)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
I	Cổ đông trong nước	1.345	27.805.032	278.050.320.000	92,68
1	Cổ đông nhà nước	1	1.380.000	13.800.000.000	4,60
2	Cổ đông tổ chức	24	17.924.875	179.248.750.000	59,75
3	Cổ đông cá nhân	1.320	8.500.157	85.001.570.000	28,33
II	Cổ đông nước ngoài	73	2.194.968	21.949.680.000	7,32
1	Cá nhân	65	862.636	8.626.360.000	2,88
2	Tổ chức	8	1.332.332	13.323.320.000	4,44
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng		1.418	30.000.000	300.000.000.000	100

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 05/04/2016 do VSD cung cấp

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

Các chứng khoán khác

Không có.





Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Chính sách liên quan đến môi trường, xã hội

Bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra giá trị cho xã hội, công ăn việc làm cho người dân, CTCP Thực phẩm Sao Ta luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên, khí hậu,... xung quanh Công ty và trong khu vực. Bởi lẽ, môi trường là nơi để mọi cá thể sinh sống, làm việc; việc tác động xấu đến môi trường sẽ gây ra nhiều rủi ro cho công việc sản xuất kinh doanh của những cá thể trong đó. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng phát triển, các đối tác và người tiêu dùng bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Đặc biệt, các đối tác và khách hàng lớn của bản thân Công ty là các nước phát triển như Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU,... đều đòi hỏi những sản phẩm thật sự chất lượng, đúng quy cách, nghiêm ngặt từ khâu nuôi trồng, chế biến đến xuất khẩu.

Các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên của các doanh nghiệp cũng đang dần bị người tiêu dùng lên án. Mặt khác, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp dẫn đến giá tài nguyên tăng cao, hiệu quả công việc thấp hơn trong những khu vực bị ô nhiễm đã và đang ảnh hưởng sát sườn đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp buộc phải quan tâm tới các khía cạnh môi trường, hiệu quả sinh thái và năng lượng của từng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Ý thức được những vấn đề như trên, FMC có những biện pháp để bảo vệ môi trường, hướng đến một doanh nghiệp chất lượng, vừa là một phương pháp giữ vững hình ảnh thương hiệu FMC trong mắt khách hàng nội địa đến những đối tác nước ngoài:

- **Áp dụng chuẩn ISO 14000 và chuẩn thực hiện nông nghiệp tốt** - hệ thống chuẩn nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm, ít tác hại vào môi trường và an toàn cho lao động trong quá trình sản xuất, thu hoạch, chế biến nông phẩm; tạo ra được các sản phẩm có sức cạnh tranh tốt vào thị trường thế giới, nhất là ở các thị trường có tiêu chuẩn cao như Nhật, Mỹ và EU.
- **Chính sách dùng vật liệu tái tạo** được khuyến khích trong toàn bộ nhân viên. Sử dụng những vật liệu tái chế vừa có lợi cho môi trường, xã hội mà còn có lợi cho Công ty như giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý, đầu tư hệ thống xử lý rác thải.
- **Chủ động tìm nguồn nguyên liệu sạch:** CTCP Thực phẩm Sao Ta hoạt động trong ngành nghề thực phẩm; do đó, vấn đề nguyên liệu đầu vào phải sạch là một vấn đề thách thức với doanh nghiệp nhưng cũng là một cơ hội để doanh nghiệp xây dựng hình ảnh sản phẩm xanh, sản phẩm sạch trong mắt người tiêu dùng. FMC có một quy trình khép kín từ khâu nuôi trồng đến chế biến và đưa ra thị trường. Hệ thống dây chuyền sản xuất được đầu tư hiện đại, đủ khả năng tạo ra những thành phẩm tươi ngon, bảo đảm quy cách. Việc nuôi trồng thủy sản, nông sản cũng được chú trọng; luôn có những chuyên viên với trình độ chuyên môn cao đánh giá các sản phẩm theo những quy chuẩn quốc tế hướng đến an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo đảm sức khỏe người tiêu dùng.
- **Đầu tư máy móc hiện đại** không những đảm bảo năng suất đáp ứng khối lượng hàng hóa xuất ra thị trường mà còn là một biện pháp tiết kiệm những chi phí cố định như tiết kiệm điện, nước, chi phí sửa chữa,..., giảm phát thải ra môi trường, tiêu tốn nhiên liệu.





Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty còn tổ chức cho đại đa số cán bộ công nhân viên đi tham quan và nghỉ mát sau một năm làm việc vất vả. Một số cá nhân xuất sắc được Công ty đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Liên đoàn Lao động tỉnh Sóc Trăng cấp bằng khen, giấy khen...

Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, ký kết hợp đồng lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Người lao động của Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể được cơ quan chức năng thừa nhận.

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Bộ luật lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể, Công ty cũng luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên, cụ thể:

- Xây dựng được 40 phòng ở trong khuôn viên của Công ty, trang bị đầy đủ vật dụng cần thiết phục vụ cho việc ăn, ở nhằm thu hút lực lượng lao động có tay nghề từ các nơi đến làm việc, đồng thời cũng là tạo tư tưởng an tâm trong công tác cho cán bộ công nhân viên từ xa đến Công ty làm việc.

- Công ty đã xây dựng được 06 căn tin phục vụ cho cán bộ công nhân viên xuyên suốt từ 5 giờ sáng đến 12 giờ khuya (ca 3) và khu chợ phục vụ cho nhu cầu ăn uống, mua sắm đa dạng của cán bộ công nhân viên (do Công ty nằm ở khu vực xa chợ).

- Công ty đã xây dựng phòng đọc sách, phòng karaoke, lắp đặt trò chơi điện tử, xây dựng 02 sân cầu lông, 01 sân bóng đá mini, 03 bàn bóng bàn nhằm tạo dựng không khí vui chơi, giải trí lành mạnh sau giờ làm việc, sản xuất.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường, xã hội và người lao động





Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	% TH 2015/ KH 2015	% TH 2015/ TH 2014
Sản lượng tôm thành phẩm	tấn	10.894	15.200	12.248	80,58%	112,43%
Sản lượng nông sản	tấn	944	1.100	1.146	104,18%	121,40%
Doanh số tiêu thụ chung	triệu USD	136,5	170	131,17	77,16%	96,10%

Đánh giá hoạt động chế biến và xuất khẩu

Việc tôm nuôi trong nước còn nhiều khó khăn nhưng bù lại tôm nuôi ở một số nước phục hồi và một số nước tăng sản lượng nuôi khiến cán cân cung cầu có thay đổi. Giá tôm thế giới giảm mạnh kéo dài từ đầu năm đến gần cuối năm do mức cung ứng tôm cải thiện. Tình huống này khó lường trước, tác động không hay cho mọi kế hoạch kinh doanh. Bởi tôm mua vừa tồn kho là lỗ ngay do giá bán giảm liên tục. Tuy nhiên, năm 2015 FMC đã tăng sản lượng chế biến và tiêu thụ, hoàn thành kế hoạch lợi nhuận Đại hội đồng cổ đông đề ra. Đạt được kết quả khả quan này do lãnh đạo FMC đã thu thập thông tin tốt, đánh giá đúng diễn biến tình hình cung cầu tôm. Mặt khác, có mối quan hệ hết sức tốt đẹp với những nhà tiêu thụ lớn sản phẩm của FMC. Và trong năm 2015, sản phẩm FMC đã tạo được sự tín nhiệm, chen chân được vào hệ thống bán hàng cao cấp ở thị trường châu Âu.

Đánh giá hoạt động nuôi tôm

Năm 2015 là năm còn khó khăn trong việc nuôi tôm. Đánh giá tôm nguyên liệu sẽ giảm, FMC quyết định thực hiện chương trình nuôi tôm sau hơn một năm thực nghiệm. Tuy nhiên diễn biến khí hậu, thời tiết thất thường và quá trình nuôi tôm phát sinh những vi khuẩn gây bệnh tôm, đó là vi bào tử trùng. Bệnh này khiến tôm nuôi chậm lớn và hao hụt tôm con. Tình hình đó, việc nuôi tôm FMC tuy đạt sản lượng, nhưng kích cỡ con nhỏ và tỉ lệ hao hụt thức ăn cao nên không thu được lãi như các năm trước. Tuy nhiên, qua đó, FMC tích lũy được thêm nhiều kinh nghiệm vô cùng quý báu trong nuôi tôm để tiếp tục triển khai nuôi năm 2016 này.



Đánh giá hoạt động chế biến nông sản

Trong năm 2015 sản lượng thành phẩm nông sản chế biến có sự cải thiện về lượng lẫn cơ cấu. Kim ngạch xuất khẩu từ 3 triệu lên 4 triệu USD. Đã xác định rõ ràng mặt hàng chế biến

chủ lực và có khách hàng lớn tiêu thụ và có tỉ suất lợi nhuận cao hơn hẳn. Đây là nền tảng để củng cố và phát triển mặt hàng nông sản những năm về sau.

Thông qua kết quả hoạt động năm 2015

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm		So sánh (%)
		2014	2015	
Nguyên liệu mua	Tấn	13,854.25	12,459.42	
- Tôm nguyên liệu		12,502.24	10,645.97	85.15
- Nông sản		1,352.01	1,813.45	134.13
Thành phẩm chế biến	Tấn	11,838.14	13,394.31	
- Tôm đông		10,893.78	12,248.25	112.43
- Nông sản		944.36	1,146.06	121.36
Tôm BTP mua ngoài	Tấn	2,422.83	3,208.18	132.4
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	10,505.25	12,285.88	
- Tôm đông		9,734.01	11,259.80	115.67
- Nông sản		771.24	1,026.08	133.04
Doanh thu tiêu thụ	tr USD	136.50	131.17	96.10
	Tr.đ	2,900,377	2,888,900	99.60
Nộp ngân sách	Tr.đ	26,615.08	20,308.49	76.30
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	74,931.13	104,653.65	136.32
Tỷ suất LN/ DT	%	2.57	3.62	140.86
Tỷ suất LN/ VCSH	%	19.57	30.33	154.98
Vòng quay VLĐ	Vòng	3.58	2.76	77.09



Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

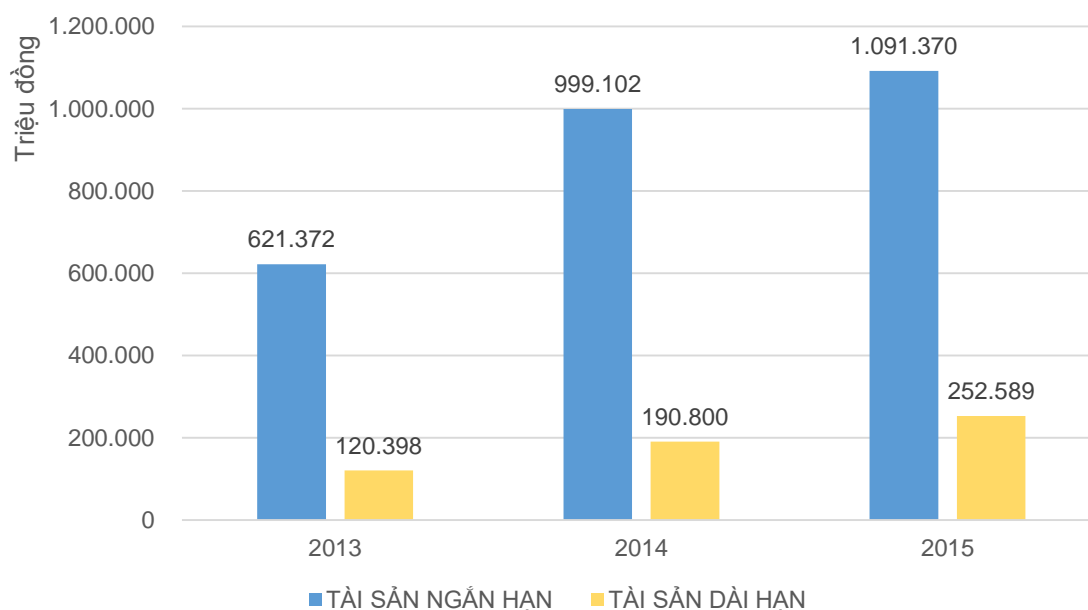
Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	TH 2015/ TH 2014	Tỷ trọng năm 2014	Tỷ trọng năm 2015
Tài sản ngắn hạn	999.102	1.091.370	109,24%	83,97%	81,21%
Tài sản dài hạn	190.800	252.589	132,38%	16,03%	18,79%
Tổng tài sản	1.189.902	1.343.959	112,95%	100%	100%

(ĐVT: Triệu đồng)

Tài sản ngắn hạn chiếm một tỉ trọng cao trong cơ cấu tài sản của Công ty và luôn chiếm trên 80% qua các năm bởi đặc thù của ngành nghề sản xuất của FMC. Tài sản ngắn hạn năm 2015 tăng 9,24% so với năm trước chủ yếu được đóng góp từ các khoản mục: các khoản tương đương tiền tăng 80,71% là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại; khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 92 tỉ bao gồm tiền gửi ngân hàng và khoản đầu tư vào trái phiếu kỳ hạn 10 năm được phát hành bởi Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam; khoản phải thu ngắn hạn tăng 14,21%, vòng quay khoản phải thu năm 2015 là 14,72 vòng tương đương với khoản 25 ngày là khá ngắn

để thu về các khoản phải thu, cho thấy việc thu hồi vốn hiệu quả của FMC. Ngoài ra, khoản tài sản ngắn hạn khác tăng 15,57%. Tuy nhiên, trong cơ cấu tài sản ngắn hạn phải kể đến sự sụt giảm của Hàng tồn kho đạt 441 tỷ đồng giảm 16,97%; nguyên nhân của sự sụt giảm này là do tôm mất giá liên tục, tích trữ hàng tồn kho sẽ lập tức mất giá gây khó khăn cho việc buôn bán mặt hàng này; nhận thấy tình hình lập tức Ban điều hành đã đưa ra chính sách cắt giảm hàng tồn kho nhằm giảm rủi ro, giảm chi phí và hạn chế thiệt hại do mất giá gây ra từ đó duy trì được doanh thu và lợi nhuận một cách tốt nhất.

Tình hình tài sản qua các năm



Tài sản dài hạn tăng 32,38% đạt mức 253 tỉ đồng chủ yếu là do tài sản cố định hữu hình tăng 128,6%. Chi tiết về tài sản cố định hữu hình như sau:

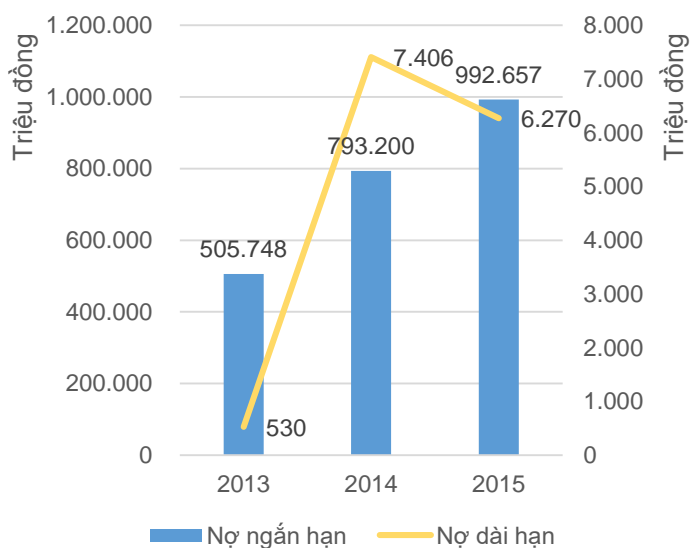
Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	GTCL/NG
Nhà cửa, vật kiến trúc	139.627.972.400	68.285.990.424	71.341.981.976	51,09%
Máy móc thiết bị	301.633.335.339	168.452.573.270	133.180.762.069	44,15%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	17.603.768.646	10.455.117.081	7.148.651.565	40,61%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	6.091.277.036	4.062.876.640	2.028.400.396	33,30%
TSCĐ khác	6.560.745.945	4.937.719.770	1.623.026.175	24,74%
Cộng	471.517.099.366	256.194.277.185	215.322.822.181	45,67%

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	TH 2015/TH 2014	Tỷ trọng năm 2014	Tỷ trọng năm 2015
Nợ ngắn hạn	793.200	992.657	125,15%	99,07%	99,37%
Nợ dài hạn	7.406	6.270	84,66%	0,93%	0,63%
Tổng nợ phải trả	800.606	998.927	124,77%	100%	100%

(ĐVT: Triệu đồng)

Tình hình nợ phải trả qua các năm



Nợ phải trả ngắn hạn luôn chiếm tỉ trọng cao hơn 99% trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, cụ thể nợ ngắn hạn năm 2015 là 993 tỉ đồng, trong đó việc đóng góp từ khoản mục người mua trả tiền trước là cao nhất đạt mức 3 tỉ trong năm 2015, và tăng 412,96% so với năm 2014 là do các hợp đồng được ký kết từ trước. Tuy nhiên, khoản mục người mua trả trước không chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu nợ ngắn hạn, chỉ tiêu vay ngắn hạn chiếm tỉ trọng 87,32% trong cơ cấu này nên việc tăng 26,55% đến từ các khoản vay ngân hàng cũng đã đóng góp chung vào phần tăng của nợ ngắn hạn.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Trong năm 2015, FMC đã ứng biến trước tình hình khó khăn chung của thị trường mà lựa chọn, lựa sóng để vươn tới. Cụ thể là xác định rõ sản phẩm chủ lực, khúc thị trường, và thị trường cụ thể ngay từ đầu năm. Mặt khác việc giám sát, kiểm tra nguyên liệu hết sức nghiêm ngặt, chấp nhận chi phí này tăng cao. Hợp đồng được tính toán kỹ kết ở thời điểm giảm thiểu rủi ro cho cả 2 bên, để FMC có kế hoạch chế biến và khách hàng chủ động lập kế hoạch tiêu thụ. Khúc thị trường cao cấp là kênh tiêu thụ có giá cả ít biến động, nên việc mặt bằng giá chung giảm, giá cả và sản lượng đã được ký kết trước vẫn được khách hàng chấp nhận hoàn toàn. Năm 2015, FMC đã khẳng định những mặt mạnh của mình tạo ra tốc độ tăng trưởng nhanh là:

- Thị phần tại thị trường EU
- Tôm bao bột và tôm chiên
- Sản lượng, lợi nhuận và kim ngạch xuất khẩu nông sản

Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Xác định hoạt động chủ lực vẫn là nuôi tôm, chế biến tôm và chế biến nông sản.
- Chương trình trọng tâm thúc đẩy kinh doanh: thâm nhập hệ thống phân phối thủy sản cao cấp hàng đầu ở châu Âu, từng bước trở lại thị trường Canada, tăng cường tiêu thụ tại thị trường Hàn Quốc và duy trì tốt các khách hàng và thị trường đã có.
- Chỉ tiêu kế hoạch năm 2016:
 - Doanh số: 150 triệu USD tương đương 3.360 tỷ đồng. Tăng 14% so với thực hiện 2015.
 - Lợi nhuận trước thuế: tối thiểu 100 tỷ đồng.
 - Cổ tức: tối thiểu 20% (HĐQT quyết định hình thức chi trả bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu).
 - Từ đó, các giải pháp trong năm 2016 là:
 - Tổ chức đoàn tham dự hội chợ thủy sản quốc tế lớn ở Boston Hoa Kỳ, Brusell, Bỉ và các hội chợ thủy sản khác như Dubai, Hàn Quốc..., nhằm mở rộng thị trường, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm cao cấp của Công ty.
 - Cải tạo, nâng cấp và nâng công suất xưởng chế biến số 4 tại Công ty. Xưởng này chuyên chế biến tôm cao cấp đồng rời cung ứng thị trường Hoa Kỳ. Mục đích là tăng năng lực sản xuất tôm luộc lên 30-40%, tăng sức cạnh tranh của FMC. Việc này hoàn tất trong 6 tháng đầu năm 2016.
 - Cải tạo nhà xưởng số 1, 2, 3 tại Công ty nhằm đáp ứng các quy định quản trị chất lượng theo yêu cầu khách hàng. Hoàn thiện trong quý I năm 2016.
 - Nâng cao năng lực chế biến hàng phối chế tại nhà máy thực phẩm An San nhằm tăng doanh số và đồng lời thông qua cải tạo và nâng công suất nhà máy lên gấp rưỡi. Hoàn thiện trong 6 tháng đầu năm 2016.
 - Đánh giá thời tiết năm nay nóng sớm, FMC quyết định triển khai vụ nuôi I/2016 sớm. Song song sẽ tiếp tục đào thêm ao nuôi trên diện tích 50 hecta, tăng thêm nguồn tôm sạch cho nhu cầu Công ty.

Tóm lại, tuy tình hình tôm nguyên liệu vẫn còn khó khăn, khả năng vẫn còn tình trạng thiếu tôm nguyên liệu trên phạm vi khu vực. Tuy nhiên, FMC, với uy tín thương hiệu, với đội ngũ nhà điều hành lẫn người lao động lành nghề, với cơ sở vật chất hoàn thiện, với tài chính lành mạnh, ban điều hành FMC tin tưởng rằng năm 2016 sẽ tiếp tục là năm mang lại nhiều kết quả tốt đẹp trong sản xuất, kinh doanh của mình, đáp ứng kỳ vọng của nhà đầu tư chiến lược cũng như tất cả cổ đông đã gắn bó với FMC.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

Bảo vệ môi trường là tiền đề để doanh nghiệp tồn tại và phát triển, công tác bảo vệ môi trường tốt hay kém, không chỉ ảnh hưởng đến hình tượng của doanh nghiệp, và hơn nữa ảnh hưởng đến sự sống còn và phát triển của doanh nghiệp. Chỉ khi bảo vệ tốt môi trường, doanh nghiệp mới có thể đi lên con đường phát triển liên tục. Với bối cảnh như vậy, FMC xem trọng song song việc tăng gia hiệu ích và bảo vệ môi trường và không ngừng tìm tòi một con đường mà việc bảo vệ môi trường và tăng gia hiệu ích cùng thăng.

Trong năm qua, FMC luôn chú trọng sử dụng nhiều biện pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường như: đầu tư các thiết bị xử lý nước thải, xử lý việc xả khí thải ra môi trường một cách hiệu quả, phân loại xử lý chất thải rắn, lồng nhằm đưa đi tái chế, đầu tư các trang thiết bị hiện đại giảm tiêu hao nhiên liệu. Áp dụng các quy chuẩn về môi trường, hợp vệ sinh, đúng pháp luật.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động là động lực phát triển của Công ty, là người trực tiếp sử dụng những tư liệu lao động nhằm tạo ra giá trị, giúp guồng máy hoạt động một cách hiệu quả. Do đó, năng suất của Công ty luôn phụ thuộc vào người lao động, muốn đạt năng suất cao thì phải tạo một môi trường thuận lợi, nâng cao đời sống nhân viên, hỗ trợ tinh thần.

FMC luôn chú trọng quan tâm đến đời sống tinh thần, chăm lo sức khỏe cho người lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cấp tiền bồi dưỡng, hỗ trợ người lao động khi ốm đau, bệnh tật, có chính sách nghỉ bệnh, tai nạn,... nhằm hỗ trợ người lao động một cách tối đa có thể. Tổ chức các hoạt động giải trí nhân dịp 08/03, 20/10, lễ, Tết... Khuyến khích cho con em của người lao động học tập bằng cách phát quà cho những em có thành tích học tập tốt, tổ chức vui chơi, liên hoan cho các cháu nhân dịp Quốc tế thiếu nhi và Tết trung thu.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty cổ phần Thực phẩm Sao Ta luôn hướng tới chia sẻ sự khó khăn với những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, giúp họ có được điều kiện vật chất để trang trải cuộc sống, đồng thời giúp con em của họ được cấp sách đến trường. Tuy việc đóng góp giới hạn nhưng thể hiện trách nhiệm luôn quan tâm vì cộng đồng của doanh nghiệp cũng là một sự đầu tư của Doanh nghiệp vào địa phương về môi trường, nhân lực, vật lực,... tiếp một phần nhỏ vào công cuộc xây dựng địa phương nói riêng và đất nước nói chung. Đất nước giàu mạnh, địa phương phát triển cũng là một thuận lợi đối với Công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Về nhân sự

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 diễn ra ngày 26/03/2015 đã bầu lại 3 thành viên Hội đồng quản trị, 1 thành viên Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ mới và thống nhất nhiệm kỳ mới là 5 năm (2015-2020) cụ thể theo danh sách như sau:

STT	Hội đồng quản trị	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch	Tái cử
2	Ông Hà Việt Thắng	Phó chủ tịch	
3	Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên	Tái cử
4	Ông Tô Minh Chăng	Thành viên	Tái cử
5	Ông Mã Ích Hưng	Thành viên	
Ban Kiểm soát			
1	Ông Chung Thanh Tâm	Trưởng ban	Tái cử
2	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	
3	Ông Hoàng Thanh Vũ	Thành viên	

- Ông Hoàng Thanh Vũ, Trưởng phòng QLCL&CN, thành viên Ban kiểm soát được bổ nhiệm chức Phó Tổng giám đốc công ty kể từ ngày 01/04/2015. Đồng thời sau đó, Đại hội đồng cổ đông bất thường 2015 ngày 25/09/2015 đã miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát đối với ông Hoàng Thanh Vũ và bầu bổ sung ông Triệu Tương Long (Phó Phòng QLCL & CN) làm thành viên Ban kiểm soát.

Về tăng vốn điều lệ

Thực hiện theo Nghị quyết số 13/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015, Hội đồng quản trị công ty đã hoàn thành thủ tục xin UBCKNN cấp giấy phép phát hành thêm 10.000.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ công ty từ 200 tỉ đồng lên 300 tỉ đồng. Việc phát hành này dự kiến sẽ hoàn thành ở tháng 04/2016.



Về xây dựng cơ bản

Đã hoàn thành việc xây dựng mới Nhà máy thực phẩm An San B tại Khu Công nghiệp An Nghiệp thuộc huyện Châu Thành tỉnh Sóc Trăng và đưa vào hoạt động kể từ ngày 01/04/2015. Tổng kinh phí đầu tư 100 tỉ đồng. Công suất chế biến của Nhà máy này là 7.500 tấn/năm.

Song song đó, Nhà máy An San B được đổi tên thành Xí nghiệp thủy sản Sao Ta do thay đổi địa điểm kinh doanh từ trụ sở chính công ty sang địa điểm mới tại Khu Công nghiệp An Nghiệp.

Về chính sách thuế TNDN

Với chính sách khuyến khích đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh mặt hàng nông thủy sản, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 quy định về hướng dẫn thuế TNDN tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014.... Với thông tư này, FMC được ưu đãi thuế TNDN như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện tại trụ sở chính công ty thuộc địa bàn khó khăn được hưởng thuế suất thuế TNDN

10% cho suốt thời gian hoạt động kể từ kỳ tính thuế năm 2015.

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện tại địa bàn khu công nghiệp An Nghiệp (Bao gồm Nhà máy Thực phẩm An San và Xí nghiệp Thủy sản Sao Ta) thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn được miễn thuế TNDN cho suốt thời gian hoạt động kể từ kỳ tính thuế năm 2015.

Với những ưu đãi nêu trên là thông tin tốt cho hoạt động của công ty, cũng như tốt cho nhà đầu tư lẫn người lao động.

Diễn biến của cặp tỉ giá USD/VND năm 2015 đầy bất ngờ

Ngay sau khi đưa ra mục tiêu điều hành tỷ giá tăng không quá 2% trong năm 2015, ngày 7/1/2015, NHNN đã điều chỉnh tăng tỷ giá USD/VND 1%, từ mức 21.246 đồng/1USD lên 21.458 đồng/1USD, biên độ không thay đổi so với năm 2014 ở mức +/-1%. Tại thời điểm đó, việc tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng thêm 1% khiến nhiều doanh nghiệp hoang mang do thời điểm cận Tết nguyên đán nhu cầu ngoại tệ tăng cao.

Trong bối cảnh tỷ giá tăng nóng liên tục và nhập siêu có dấu hiệu tăng trở lại, 4 tháng sau đó, ngày 7/5/2015, NHNN quyết định điều chỉnh tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng thêm 1%, từ mức 21.458 đồng/USD lên 21.673 đồng/USD. Như vậy, chỉ trong vòng 5 tháng đầu năm, NHNN đã điều chỉnh tăng hết biên độ 2% cho cả năm.

Dưới sức ép phá giá đồng Nhân dân tệ kéo theo một loạt đồng tiền châu Á chủ chốt khác cũng như chỉ số giá trên thị trường hàng hóa quốc tế sụt giảm tác động bất lợi tới nền kinh tế Việt Nam, ngày 12/8/2015, NHNN đã điều chỉnh nâng biên độ tỷ giá USD/VND từ +/-1% lên +/-2%, theo đó giá mua bán USD của các ngân hàng có thể biến động trong phạm vi từ 21.240 đồng/USD (sàn) đến 22.106 đồng/USD (trần).

Tuy nhiên, trước bối cảnh đồng Nhân dân tệ tiếp tục phá giá mạnh, ngày 19/8, NHNN đã quyết định điều chỉnh kép tăng tỷ giá thêm 1% lên mức 21.890 VND/USD và nới biên độ từ +/-2% lên +/-3%, theo đó giá mua bán USD của các ngân hàng có thể biến động trong phạm vi từ 21.233 đồng/USD (sàn) đến 22.547 đồng/USD (sàn).

Như vậy sau nhiều năm ổn định tỉ giá, tỉ giá USD/VND lại bất ngờ tăng đột biến làm khó khăn cho việc hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vay vốn bằng USD. FMC không nằm ngoài sự ảnh hưởng này, khiến chi phí tài chính năm 2015 tăng bất thường trong cơ cấu tổng chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Thông qua báo cáo tổng kết của Tổng giám đốc công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 và phương hướng hoạt động cho năm 2015. Một số vấn đề quyết toán năm 2014.

- Giá tôm nguyên trong năm tăng giảm bất thường và đi theo xu hướng giảm giá. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu sản xuất trong khi nguồn nguyên liệu trong nước đáp ứng không đủ, công ty lại tiếp tục nhập khẩu tôm đông lạnh từ một số nước châu Á. Song song đó, giá tôm xuất khẩu cũng biến động giảm.
- Mặt hàng nông sản có tỉ suất lợi nhuận cao trong năm đã được tăng trưởng tốt góp phần không nhỏ vào hiệu quả chung của công ty.
- Hoạt động nuôi tôm trong năm gặp nhiều khó khăn do biến đổi khí hậu thời tiết, giá cả các yếu tố đầu vào đều tăng trong khi giá nguyên liệu thu hoạch lại giảm nên hiệu quả từ hoạt động này không bằng những năm trước, tuy nhiên cũng góp phần cung cấp nguồn nguyên liệu sạch, nâng cao uy tín thương hiệu sản phẩm.
- Sản phẩm của công ty luôn ổn định chất lượng, luôn giữ vững uy tín thương hiệu và không ngừng phát triển, được khách hàng ưa chuộng, quan tâm. Một năm FMC đã đẩy mạnh cơ cấu bán hàng sang thị trường Châu Âu nhằm phân tán rủi ro ở những thị trường khác.
- Lần đầu tiên tham gia bị đơn bắt buộc trong việc DOC lựa chọn 1 trong 3 doanh nghiệp đại diện cho các doanh nghiệp chế biến tôm của Việt Nam để rà soát hành chính về vụ kiện bán phá giá tôm vào thị trường Hoa Kỳ đã có kết quả tốt, cụ thể là thuế suất 0%.

Từ những diễn biến phức tạp nêu trên, Ban lãnh đạo công ty đã có tầm nhìn đúng đắn và ứng phó kịp thời, từng bước khắc phục và linh động trong hoạt động điều hành đã đưa công ty đến thành quả tốt và hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2015.



Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trên nền tảng chủ định của các cổ đông lớn, bối cảnh hoạt động và nhu cầu thực tế, HĐQT sẽ xây dựng chiến lược kinh doanh trong giai đoạn mới. Đó là luôn coi việc nâng cao chất lượng sản phẩm là nhiệm vụ hàng đầu song song với việc phát triển sản xuất từng bước vững chắc, tăng doanh số, tăng hiệu quả và đồng lời. Trong việc phát triển sản xuất sẽ từng bước chủ động nguyên liệu sạch thông qua xây dựng chương trình nuôi tôm quy mô lớn. Ngoài ra luôn coi trọng tiết kiệm mọi mặt đồng thời luôn giữ gìn cốt lõi của nét văn hóa doanh nghiệp là hết sức coi trọng chữ tín trong kinh doanh, tăng cường sự đoàn kết nội bộ, hỗ trợ nhau trong mọi mặt hoạt động.

Trong hoạt động, HĐQT cũng luôn coi trọng việc nắm thông tin phải kịp thời. Và trên hết phải nhanh chóng xử lý thông tin để tranh thủ mọi cơ hội kinh doanh. HĐQT coi trọng việc thực hiện từng bước chiến lược kinh doanh đã đề ra, trong đó chú trọng các giải pháp thực hiện sao phù hợp thực tế và có sự linh hoạt uyển chuyển kịp thời sao giảm thấp nhất thiệt hại (nếu xảy ra) và tăng tối đa hiệu quả hoạt động. HĐQT coi trọng việc kinh doanh tiền tệ, nắm bắt tình hình diễn biến tỉ giá nhằm có hướng vay để giảm chi phí lãi vay ngân hàng. HĐQT cũng coi trọng việc chăm lo đời sống người lao động là một việc làm thường xuyên để người lao động yên tâm, gắn bó, tăng năng suất và chất lượng công việc.

Chi phí thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2015 là 900 triệu đồng. Thường hoàn thành kế hoạch thường 3% lợi nhuận, vượt mức kế hoạch thường 5% lợi nhuận vượt. Tất cả được tính là sau thuế.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS





Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hồ Quốc Lực	Chủ tịch	
2	Hà Việt Thắng	Thành viên	Thành viên độc lập, không điều hành
3	Phạm Hoàng Việt	Thành viên	
4	Tô Minh Chăng	Thành viên	
5	Mã Ích Hưng	Thành viên	

Ông Hồ Quốc Lực – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Xem phần Lý lịch Ban điều hành)

Ông Hà Việt Thắng – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **Hà Việt Thắng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 04/07/1978

Nơi sinh: Thành phố Huế

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thừa Thiên – Huế

Địa chỉ thường trú: 60 D3 Giang Văn Minh, Phường An Phú, Quận 2, TP.HCM

Điện thoại liên lạc: (08) 3914 2668

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Bách Khoa

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT



Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Phó Chủ tịch thường trực Công ty Cổ phần Hùng Vương;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng;
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre;

Các công tác đã trải qua:

- Từ 2000 - T02/2010: Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư CTCP Chứng khoán Sài Gòn
- Từ năm 2007: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hùng Vương
- Từ năm 2008: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai
- Từ tháng 02/2010: Trợ lý Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Sài Gòn
- Từ tháng 08/2011: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Xuất NK Lâm Thủy sản Bến Tre
- Từ tháng 04/2013: Thành viên HĐQT CTCP Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng
- Từ tháng 04/2013 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Thực phẩm Sao Ta

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân, đại diện sở hữu tại Công ty Fimex: 54,41%.

Sở hữu cá nhân: 25.000 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: 10.855.385 cổ phần, chiếm 54,28% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

Ông Phạm Hoàng Việt – Thành viên Hội đồng quản trị (Xem phần Lý lịch Ban điều hành)

Ông Tô Minh Chăng – Thành viên Hội đồng quản trị (Xem phần Lý lịch Ban điều hành)

Ông Mã Ích Hưng – Thành viên Hội đồng quản trị (Xem phần Lý lịch Ban điều hành)



Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT.15	07/01/2015	Quyết định tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2014: 15%/mệnh giá cổ phiếu.
2	04/NQ-HĐQT.15	04/08/2015	Quyết định tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2015: 15%/mệnh giá cổ phiếu.
3	05/NQ-HĐQT.15	15/10/2015	Quyết định tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 2 năm 2015: 35%/mệnh giá cổ phiếu.
4	06A/NQ-HĐQT.15	27/10/2015	Quyết định thông qua hồ sơ chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ
5	06B/NQ-HĐQT.15	30/11/2015	Quyết định các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 2016
6	07/NQ-HĐQT.15	01/12/2015	Hội đồng quản trị Công ty cam kết tuân thủ quy định tại điểm 3 khoản 7 Điều 1 NĐ60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP trong trường hợp Công ty thực hiện chào bán số cổ phần không phân phối hết. Số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán

Tóm tắt nội dung các cuộc họp trong năm

Trong năm, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã triệu tập 05 lần họp chính thức và nhiều lần họp bất thường để thông qua và quyết định những vấn đề lớn của công ty như sau:

- Thông qua báo cáo tổng kết của Tổng Giám đốc công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 và phương hướng hoạt động cho năm 2015; Một số vấn đề về quyết toán năm 2014.
- Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán 2014.
- Thông qua các hồ sơ, tài liệu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 diễn ra ngày 26/03/2015.
- Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 là Công ty Kiểm toán E&Y.
- Thông qua Phương án SXKD 2015, các hồ sơ hạn mức tín dụng vay Ngân hàng.
- Quyết định ứng cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt là 15%/mệnh giá cổ phiếu.
- Thông qua việc chuyển quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 diễn ra ngày 25/09/2015.
- Quyết định ứng cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng tiền mặt là 15%/mệnh giá cổ phiếu; Quyết định ứng cổ tức đợt 2 năm 2015 bằng tiền mặt là 35%/mệnh giá cổ phiếu.

- Xem xét đánh giá tình hình hoạt động hàng quý, 6 tháng, 9 tháng trong năm 2015 và đưa ra những quyết định ứng phó kịp thời.
- Quyết định triệu tập và tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường diễn ra ngày 25/09/2015 về việc xem xét thông qua việc điều chỉnh mức chi cổ tức bằng tiền mặt 2015 từ 20%/mệnh giá cổ phiếu thành 50%/mệnh giá cổ phiếu, thông qua quyết định phát hành 10.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên 300 tỉ đồng và một số vấn đề liên quan khác.
- Thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 diễn ra ngày 25/09/2015.
- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 3/2015 và hướng hoạt động những tháng cuối năm 2015; đồng thời thông qua kế hoạch dự kiến hoạt động năm 2016.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty. Năm 2015, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có.



Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ/ Liên quan	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ năm giữ (%)	Ghi chú
1	Chung Thanh Tâm	Trưởng Ban	15.000	0,08	Thành viên độc lập, không điều hành
2	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	15.000	0,08	Thành viên độc lập, không điều hành
3	Hoàng Thanh Vũ	Thành viên	42.110	0,21	Miễn nhiệm ngày 25/09/2015
4	Triệu Tương Long	Thành viên			Bỏ nhiệm ngày 25/09/2015

Hoạt động của Ban kiểm soát

Công tác tổ chức và phân công

Sau Đại hội thường niên, Ban Kiểm soát với 3 thành viên (*trong đó: 02 thành viên bên ngoài công ty*) tổ chức thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát độc lập về các hoạt động của Ban Điều hành Công ty và Hội đồng quản trị về việc thực hiện chấp hành các Nghị quyết Đại hội, Nghị quyết Hội đồng quản trị và Pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Phân công Trưởng ban chịu trách nhiệm chung và các hoạt động về tài chính công ty; 01 thành viên chịu trách nhiệm theo dõi về công tác tổ chức nhân sự tại công ty, chất lượng nguyên liệu, thành phẩm (*đầu vào, đầu ra*) tình hình các phân xưởng, các khu nuôi tôm; đồng thời làm thư ký mỗi kỳ họp; và 01 thành viên chịu trách nhiệm theo dõi về lĩnh vực đầu tư và tài chính doanh nghiệp.

Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đầu năm xây dựng chương trình kiểm tra, kiểm soát theo Điều lệ hoạt động Công ty; nhằm giám sát hoạt động điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; các chỉ tiêu kế hoạch năm của Hội đồng quản trị giao.

Năm qua, thành viên BKS tổ chức họp định kỳ *trao đổi thông tin qua mạng Internet (Mail)* để

đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nhằm xem xét những vấn đề cần quan tâm. Kết quả kiểm tra, kiểm soát được tổng hợp từ các báo cáo của các thành viên BKS Công ty được xem ở mức ổn định, bình thường

Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát

Giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Ban điều hành Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN) tổ chức thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT Công ty.

Giám sát Ban Điều hành đã tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như: Việc điều hành bộ máy công ty từ khâu tổ chức đến tuyển dụng lao động đã đáp ứng cho hoạt động sản xuất - kinh doanh và thực hiện tốt các chính sách người lao động, chế độ lương, phụ cấp độc hại, trang cấp bảo hộ lao động đúng theo quy định hiện hành.

Công tác bảo trì trang thiết bị được tổ chức thực hiện đúng định kỳ phù hợp với các tiêu chuẩn quy định; từ đó, việc vận hành thiết bị hoạt động an toàn, phát huy được hiệu suất cao, không xảy ra sự cố ảnh hưởng đến sản xuất và kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt và phát huy đồng vốn của công ty (đạt lợi nhuận năm 2015 là 104 tỷ đồng).

Việc tổ chức quản lý doanh nghiệp, đơn vị có ban hành các Quy chế, Quy định như: quy trình xuất, nhập vật tư, định mức sử dụng nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng chặt chẽ đáp ứng cho yêu cầu phục vụ sản xuất; đồng thời công ty xây dựng kế hoạch tiết kiệm chi phí đầu vào nhằm hạ giá thành để tăng sức cạnh tranh trong lúc kinh tế thế giới đang khủng hoảng khó khăn chung.

Việc kiểm tra các sản phẩm trước khi nhập kho và xuất bán; công ty tổ chức theo đúng quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, nhưng vẫn còn hạn chế về năng lực và thiết bị tầm soát chất lượng sản phẩm.

Năm 2015, Công ty tiếp tục tổ chức nuôi tôm và từng bước phát triển mặt nông sản; đồng thời, chủ động nguồn nguyên liệu tôm sạch xuất sang thị trường khó tính nhằm tránh được rủi ro sản phẩm nhiễm khuẩn và kháng sinh; mặt khác việc nuôi tôm cũng tháo gỡ những khó khăn về giá nguyên liệu đầu vào, giúp cho Ban Điều hành nắm được giá cả nguyên liệu để có những quyết định kịp thời, chính xác giá tôm nguyên liệu khi cần thiết tổ chức thu mua nguyên liệu ngoài nước làm ổn định sản xuất và phát huy tối đa công suất nhà máy.

Nhận xét tình hình chung

Năm 2015 tình hình Công ty sản xuất kinh doanh đạt và vượt các chỉ tiêu Đại hội đề ra, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu diễn biến vô cùng phức tạp các đơn vị xuất khẩu bị nhiều áp lực và rủi ro tìm ẩn.

Với sự nỗ lực không ngừng và quyết tâm của Hội đồng quản trị, trực tiếp là Ban Điều hành công ty đã phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch.

Các chỉ tiêu an toàn vệ sinh thực phẩm bị áp lực bởi hàng rào kỹ thuật của các nước nhập khẩu dẫn đến việc kiểm soát quy trình sản xuất khắc khe hơn và chi phí kiểm tra phát sinh tăng. Hệ thống Marketing đã nỗ lực tìm thị trường mới để góp phần tiêu thụ và tổ chức sản xuất sản phẩm mới, sản phẩm truyền thống tạo thêm giá trị gia tăng phù hợp với thị trường, xu thế quốc tế hiện nay.

Qua báo cáo năm 2015 các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn biến ổn định ở mức bình thường. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần thực phẩm Sao Ta được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam xác nhận kết quả báo cáo tài chính và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam; đồng thời, báo cáo quyết toán năm không có những sai sót trọng yếu. Ban kiểm soát với tư cách đại diện cổ đông thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát xin xác nhận báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, phù hợp pháp luật Việt Nam.

Kiến nghị

Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Điều hành xây dựng tiêu chuẩn phòng kiểm nghiệm tại công ty đạt theo ISO 17025 tiêu chuẩn quốc tế.

Ban kiểm soát sẽ báo cáo trước Đại hội những kết quả hoạt động và sẽ tiếp tục xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2015 cho phù hợp quy mô tổ chức của doanh nghiệp và các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương	Thù lao/Thưởng
1	Hội đồng quản trị	-	1.608.000.000
	Hồ Quốc Lực	-	420.000.000
	Hà Việt Thắng	-	370.000.000
	Phạm Hoàng Việt	-	296.000.000
	Tô Minh Chăng	-	276.000.000
	Mã Ích Hưng	-	246.000.000
2	Ban kiểm soát	350.498.000	640.000.000
	Chung Thanh Tâm	-	246.000.000
	Nguyễn Thanh Tùng	-	222.000.000
	Hoàng Thanh Vũ	-	154.000.000
	Triệu Tương Long	350.498.000	18.000.000
3	Ban điều hành	4.732.710.000	-
	Hồ Quốc Lực	876.790.000	-
	Phạm Hoàng Việt	800.060.000	-
	Dương Ngọc Kim	678.335.000	-
	Mã Ích Hưng	608.385.000	-
	Hoàng Thanh Vũ	539.789.000	-
	Đình Văn Thới	672.855.000	-
	Tô Minh Chăng	556.496.000	-
	Tổng cộng	5.083.208.000	2.248.000.000

Đơn vị tính: đồng

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Tên cổ đông nội bộ	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
Ông Tô Minh Chăng	Kế toán trưởng kiêm Chủ tịch HĐQT	822.465		21/05/2015-19/06/2015
CTCP HÙNG VƯƠNG			10.000.000	02/06/2015-05/06/2015

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán







Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Building a better
working world

Số tham chiếu: 61119180/17794913

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") được lập vào ngày 19 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Building a better
working world**

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Phạm Thị Cẩm Tú
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2266-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.091.370.104.923	999.101.600.801
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	322.682.142.491	240.983.365.391
111	1. Tiền		70.773.180.074	122.583.365.391
112	2. Các khoản tương đương tiền		251.908.962.417	118.400.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		92.284.720.000	21.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	92.284.720.000	21.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		208.406.780.654	183.550.412.448
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	198.240.107.788	167.523.078.695
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	8.676.583.883	5.950.151.085
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	15.959.039.794	31.476.393.739
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8	(14.468.950.811)	(21.399.211.071)
140	IV. Hàng tồn kho	9	441.417.825.358	531.634.996.663
141	1. Hàng tồn kho		441.417.825.358	531.634.996.663
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		26.578.636.420	21.932.826.299
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	5.251.488.676	4.548.008.705
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		18.699.400.515	10.320.316.994
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	2.627.747.229	7.064.500.600
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		252.589.037.504	190.799.962.991
220	I. Tài sản cố định		217.679.370.397	96.844.440.937
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	215.322.822.181	86.615.427.045
222	Nguyên giá		471.517.099.366	310.212.443.806
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(256.194.277.185)	(223.597.016.761)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	2.356.548.216	10.229.013.892
228	Nguyên giá		2.954.586.100	11.381.287.100
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(598.037.884)	(1.152.273.208)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		138.786.135	73.362.432.642
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	138.786.135	73.362.432.642
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14	400.000.000	10.400.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		400.000.000	400.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	10.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		34.370.880.972	10.193.089.412
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	33.747.385.721	8.817.718.812
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	623.495.251	1.375.370.600
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.343.959.142.427	1.189.901.563.792

0206
 ĐNG
 Đ PHỤ
 (C PH
 07

0206
 ĐNG
 Đ PHỤ
 (C PH
 07
 G.T.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		998.927.002.264	800.606.729.011
310	I. Nợ ngắn hạn		992.657.404.264	793.199.876.011
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	55.277.391.230	62.922.513.796
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.365.375.600	656.065.110
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.798.631.647	6.755.443.884
314	4. Phải trả người lao động		50.762.421.504	29.629.973.248
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	5.291.327.032	2.870.055.314
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	5.294.143.706	5.359.339.581
320	7. Vay ngắn hạn	20	866.750.195.947	684.932.448.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.117.917.598	74.037.078
330	II. Nợ dài hạn		6.269.598.000	7.406.853.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	530.000.000	530.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	21	5.739.598.000	6.876.853.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		345.032.140.163	389.294.834.781
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	345.032.140.163	389.294.834.781
411	1. Vốn cổ phần		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.343.677.202	71.343.677.202
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		-	50.426.880.353
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		73.688.462.961	67.524.277.226
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		37.524.277.226	4.103.806.494
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		36.164.185.735	63.420.470.732
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.343.959.142.427	1.189.901.563.792

Lưu Nguyễn Trúc Dung
Người lập

Tô Minh Hằng
Kế toán trưởng


Hồ Quốc Lực
Tổng Giám đốc


Ngày 19 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu gộp về bán hàng	23.1	2.888.900.275.137	2.900.377.298.770
02	2. Khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(12.179.634.577)	(19.615.275.739)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	23.1	2.876.720.640.560	2.880.762.023.031
11	4. Giá vốn hàng bán	24	(2.604.869.702.878)	(2.652.806.715.704)
20	5. Lợi nhuận gộp		271.850.937.682	227.955.307.327
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	17.433.210.404	10.205.916.795
22	7. Chi phí tài chính	28	(48.460.119.843)	(18.372.065.922)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	28	(15.848.117.857)	(12.978.085.957)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(84.637.860.656)	(80.039.487.787)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(60.631.362.212)	(61.601.482.456)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		95.554.805.375	78.148.187.957
31	11. Thu nhập khác	29	10.607.752.627	1.317.794.696
32	12. Chi phí khác	29	(1.508.903.618)	(914.387.210)
40	13. Lợi nhuận khác	29	9.098.849.009	403.407.486
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		104.653.654.384	78.551.595.443
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.2	(6.538.523.678)	(17.136.728.066)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	(751.875.349)	1.375.370.600
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		97.363.255.357	62.790.237.977
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.4	3.967	4.022
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.4	3.967	4.022


Lưu Nguyễn Trúc Dung
Người lập


Tô Minh Chăng
Kế toán trưởng


Hồ Quốc Lực
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		104.653.654.384	78.551.595.443
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định ("TSCĐ")	11, 12	33.443.115.189	22.994.563.469
03	(Sử dụng dự phòng) dự phòng		(8.067.515.260)	18.273.223.425
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	28	5.623.397.943	2.654.933.570
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(11.761.298.396)	(7.470.201.850)
06	Chi phí lãi vay	28	15.848.117.857	12.978.085.957
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		139.739.471.717	127.982.200.014
09	Tăng các khoản phải thu		(15.425.725.806)	(82.227.743.078)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		90.217.171.305	(231.508.778.105)
11	Tăng các khoản phải trả		20.836.607.159	10.349.703.169
12	Tăng chi phí trả trước		(18.598.252.406)	(2.631.015.623)
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.834.989.857)	(13.272.373.092)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.2	(10.788.372.451)	(14.242.478.171)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.582.069.455)	(5.202.007.645)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		179.563.840.206	(210.752.492.531)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(97.471.361.877)	(58.970.835.725)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		2.545.454.545	1.125.000.000
23	Chi gửi tiền ngắn hạn ngân hàng		(82.284.720.000)	(21.000.000.000)
24	Thu tiền gửi ngắn hạn ngân hàng		21.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi ngân hàng		11.659.846.310	5.414.238.322
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(144.550.781.022)	(73.431.597.403)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu mới		-	102.043.850.000
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		-	13.177.067.345
33	Tiền vay ngắn hạn nhận được		2.563.172.827.903	2.955.315.666.288
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.386.406.798.915)	(2.678.653.957.133)
36	Cổ tức đã trả	22.2	(130.000.000.000)	(18.333.945.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		46.766.028.988	373.548.681.500

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		81.779.088.172	89.364.591.566
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		240.983.365.391	151.574.117.885
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(80.311.072)	44.655.940
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	322.682.142.491	240.983.365.391



Lưu Nguyễn Trúc Dung
Người lập



Tô Minh Hằng
Kế toán trưởng



Hồ Quốc Lực
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2016

2082

IG T
PH
C PH
.OT

NG.T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty"), là một công ty cổ phần, được chuyển đổi từ cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo theo Giấy phép niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ; sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính tại Km 2132 Quốc lộ 1A, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 2.815 (ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.664).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán sau.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 35.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được Công ty ghi nhận với phương pháp như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa - kê khai thường xuyên, chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - kiểm kê định kỳ, giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao hoặc khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
Phần mềm vi tính	5 - 6 năm
Tài sản khác	6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng vào ngày 13 tháng 6 năm 2007 và ngày 4 tháng 10 năm 2012 trong thời hạn 48 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư khác (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Y
N
M
A
SỐC TRỊ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt tại quỹ	676.806.064	1.236.877.972
Tiền gửi ngân hàng	70.096.374.010	121.346.487.419
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>251.908.962.417</u>	<u>118.400.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>322.682.142.491</u>	<u>240.983.365.391</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ một (1) đến hai (2) tháng và hưởng lãi suất từ 4% đến 5,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	82.284.720.000	21.000.000.000
Trái phiếu (ii)	10.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	92.284.720.000	21.000.000.000

- (i) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn từ sáu (6) đến chín (9) tháng và hưởng lãi suất từ 5% đến 5,4%/năm.
- (ii) Số tiền này thể hiện khoản trái phiếu kỳ hạn 10 năm được phát hành bởi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; nợ gốc sẽ được thanh toán khi đáo hạn (ngày 10 tháng 10 năm 2016). Trái phiếu được hưởng lãi suất 10,4%/năm và được thanh toán hàng năm. Như được trình bày trong Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp Trái phiếu này để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên khác		
Amanda Seafood Private Limited	70.947.159.010	114.329.500
Khác	127.292.948.778	167.408.749.195
TỔNG CỘNG	198.240.107.788	167.523.078.695
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(7.229.650.260)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên khác	8.676.583.883	5.950.151.085
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.299.390.000)	(1.000.000.000)
GIÁ TRỊ THUẬN	7.377.193.883	4.950.151.085

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu lãi vay	2.457.455.048	1.613.371.246
Tạm ứng cho nhân viên	213.462.214	1.061.647.493
Tạm ứng cho việc giải phóng mặt bằng Khu Công nghiệp Cái Cồn	13.169.560.811	15.667.000.000
Cho nhân viên mượn	-	12.336.975.000
Khác	118.561.721	797.400.000
TỔNG CỘNG	15.959.039.794	31.476.393.739
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.169.560.811)	(13.169.560.811)

CÔNG TY CỔ PHẦN
 THỤ SA
 C. TH. 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thành phẩm	365.004.880.079	465.261.035.972
Hàng mua đang đi trên đường	35.048.877.290	30.195.916.884
Nguyên vật liệu	21.768.922.836	16.333.906.602
Công cụ, dụng cụ và bao bì	19.595.145.153	19.844.137.205
TỔNG CỘNG	<u>441.417.825.358</u>	<u>531.634.996.663</u>

Như được trình bày trong Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp toàn bộ hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THU NHÀ NƯỚC

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế nhập khẩu	<u>2.627.747.229</u>	<u>7.064.500.600</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	90.747.128.996	192.724.790.011	17.277.768.646	4.632.367.108	4.830.389.045	310.212.443.806
Mua sắm mới	-	109.083.545.328	326.000.000	1.458.909.928	1.730.356.900	112.598.812.156
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ đang hoàn thành	50.472.247.228	-	-	-	-	50.472.247.228
Thanh lý	(1.591.403.824)	(175.000.000)	-	-	-	(1.766.403.824)
Số cuối năm	139.627.972.400	301.633.335.339	17.603.768.646	6.091.277.036	6.560.745.945	471.517.099.366
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	41.412.985.647	103.519.663.324	4.033.132.126	2.884.663.355	4.726.779.045	156.577.223.497
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	60.443.776.112	146.161.443.586	8.591.984.275	3.631.135.248	4.768.677.540	223.597.016.761
Khấu hao trong năm	8.306.417.287	22.393.213.008	1.863.132.806	431.741.392	169.042.230	33.163.546.723
Thanh lý	(464.202.975)	(102.083.324)	-	-	-	(566.286.299)
Số cuối năm	68.285.990.424	168.452.573.270	10.455.117.081	4.062.876.640	4.937.719.770	256.194.277.185
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	30.303.352.884	46.563.346.425	8.685.784.371	1.001.231.860	61.711.505	86.615.427.045
Số cuối năm	71.341.981.976	133.180.762.069	7.148.651.565	2.028.400.396	1.623.026.175	215.322.822.181
Trong đó:						
Thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 20)	71.341.981.976	133.180.762.069	7.148.651.565	-	-	211.671.395.610

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	11.041.785.900	140.000.000	199.501.200	11.381.287.100
Mua mới	1.338.986.000	190.980.000	-	1.529.966.000
Thanh lý	(2.237.000.000)	-	-	(2.237.000.000)
Phân loại lại (*)	(7.719.667.000)	-	-	(7.719.667.000)
Số cuối năm	<u>2.424.104.900</u>	<u>330.980.000</u>	<u>199.501.200</u>	<u>2.954.586.100</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu trừ hết</i>	-	84.000.000	34.297.200	118.297.200
Giá trị khấu trừ lũy kế:				
Số đầu năm	895.636.224	129.574.464	127.062.520	1.152.273.208
Khấu trừ trong năm	225.802.898	20.742.864	33.022.704	279.568.466
Thanh lý	(149.031.264)	-	-	(149.031.264)
Phân loại lại	(684.772.526)	-	-	(684.772.526)
Số cuối năm	<u>287.635.332</u>	<u>150.317.328</u>	<u>160.085.224</u>	<u>598.037.884</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>10.146.149.676</u>	<u>10.425.536</u>	<u>72.438.680</u>	<u>10.229.013.892</u>
Số cuối năm	<u>2.136.469.568</u>	<u>180.662.672</u>	<u>39.415.976</u>	<u>2.356.548.216</u>

(*) Trong năm Công ty đã phân loại lại các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo hướng dẫn của Thông tư 45 sang chi phí trả trước dài hạn.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nâng cấp xưởng chế biến tôm	138.786.135	-
Nhà máy chế biến thủy sản Sao Ta	-	72.037.787.743
Máy móc đang chờ lắp đặt	-	1.324.644.899
TỔNG CỘNG	<u>138.786.135</u>	<u>73.362.432.642</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)	4.000	400.000.000	4.000	400.000.000
Trái phiếu		-		10.000.000.000
TỔNG CỘNG	4.000	400.000.000	4.000	10.400.000.000

(*) Đây là khoản đầu tư của Công ty vào 4.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Chế biến gạo Sóc Trăng, tương ứng 2,3% sở hữu vào công ty này.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	5.251.488.676	4.548.008.705
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.154.172.071	4.548.008.705
Khác	97.316.605	-
Dài hạn	33.747.385.721	8.817.718.812
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	20.774.574.208	7.257.609.392
Quyền sử dụng đất	7.034.894.474	-
Chi phí xây dựng ao tôm	3.219.250.726	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.334.279.235	1.560.109.420
Phí sử dụng đất	384.387.078	-
TỔNG CỘNG	38.998.874.397	13.365.727.517

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Số dư này thể hiện chủ yếu các khoản phải trả cho nhà cung cấp tôm nguyên liệu, chi tiết như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên khác		
M/S Rafiq Naik Exports Private Ltd	27.477.281.700	-
Khác	27.800.109.530	55.852.257.796
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)		
Công ty CP Xuất Nhập Khẩu		
Lâm Thủy Sản Bến Tre	-	7.070.256.000
TỔNG CỘNG	55.277.391.230	62.922.513.796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	1.435.393.624	4.447.210.379	(2.154.173.843)	3.728.430.160
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30.2)	5.320.050.260	6.538.523.678	(10.788.372.451)	1.070.201.487
TỔNG CỘNG	6.755.443.884	10.985.734.057	(12.942.546.294)	4.798.631.647

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển và cước tàu	4.193.408.453	1.980.797.760
Khác	1.097.918.579	889.257.554
TỔNG CỘNG	5.291.327.032	2.870.055.314

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	5.294.143.706	5.359.339.581
Kinh phí công đoàn	5.026.631.502	5.096.617.972
Khác	267.512.204	262.721.609
Dài hạn	530.000.000	530.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	530.000.000	530.000.000
TỔNG CỘNG	5.824.143.706	5.889.339.581

20. VAY NGẮN HẠN

	VND			
	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Giá trị	Tăng	
Vay ngân hàng (*)	684.844.390.000	2.568.211.418.862	2.386.403.798.915	866.652.009.947
Vay cá nhân	88.058.000	13.128.000	3.000.000	98.186.000
TỔNG CỘNG	684.932.448.000	2.568.224.546.862	2.386.406.798.915	866.750.195.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

20. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	Nguyên tệ (US\$)	Tương đương VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng					
Vay USD	16.434.512	370.433.909.947	Từ ngày 10 tháng 3 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016	1,7 – 1,8	- Nhà xưởng và máy móc thiết bị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng					
Vay USD	10.975.000	247.376.500.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2016 đến ngày 28 tháng 6 năm 2016	1,7 – 1,8	- Nhà cửa, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải tại ao tôm Tân Nam - Hàng tồn kho - Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng					
Vay USD	6.810.000	153.497.400.000	Từ ngày 22 tháng 1 năm 2016 đến ngày 16 tháng 3 năm 2016	1,68 – 1,75	- Nhà xưởng và máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ					
Vay USD	2.645.000	59.618.300.000	Từ ngày 7 tháng 2 năm 2016 đến ngày 16 tháng 3 năm 2016	1,8	- Hàng tồn kho
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Cần Thơ					
Vay USD	1.585.000	35.725.900.000	Từ ngày 29 tháng 1 năm 2016 đến ngày 28 tháng 2 năm 2016	1,85	- Vay tín chấp
TỔNG CỘNG	38.449.512	866.652.009.947			

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số tiền này thể hiện khoản trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước:							
Số đầu năm	130.000.000.000	36.658.007.111	(10.535.247.254)	35.879.284.777	8.000.000.000	35.490.555.180	235.492.599.814
Phát hành cổ phiếu mới	70.000.000.000	32.043.850.000	-	-	-	-	102.043.850.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	2.641.820.091	10.535.247.254	-	-	-	13.177.067.345
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	62.790.237.977	62.790.237.977
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(18.333.945.000)	(18.333.945.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.910.696.682	1.636.898.894	(6.547.595.576)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.910.696.682)	(4.910.696.682)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(964.278.673)	(964.278.673)
Số cuối năm	200.000.000.000	71.343.677.202	-	40.789.981.459	9.636.898.894	67.524.277.226	389.294.834.781
Năm nay:							
Số đầu năm	200.000.000.000	71.343.677.202	-	40.789.981.459	9.636.898.894	67.524.277.226	389.294.834.781
(Trình bày năm trước)							
Phân loại lại	-	-	-	9.636.898.894	(9.636.898.894)	-	-
(Thuyết minh số 35)							
Số đầu năm	200.000.000.000	71.343.677.202	-	50.426.880.353	-	67.524.277.226	389.294.834.781
(Đã phân loại lại)							
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	97.363.255.357	97.363.255.357
Trích lập các quỹ	-	-	-	21.164.288.002	-	(21.164.288.002)	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(130.000.000.000)	(130.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(11.625.949.975)	(11.625.949.975)
Đóng quỹ chuyển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	-	-	-	(71.591.168.355)	-	71.591.168.355	-
Số cuối năm	200.000.000.000	71.343.677.202	-	-	-	73.688.462.961	345.032.140.163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 9 năm 2015, quỹ đầu tư và phát triển được đóng và chuyển sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	200.000.000.000	130.000.000.000
Phát hành cổ phiếu mới	-	70.000.000.000
Số cuối năm	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức công bố	130.000.000.000	18.333.945.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	130.000.000.000	18.333.945.000

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 9 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt cho việc phát hành 10.000.000 cổ phiếu phổ thông với tỷ lệ 2:1 cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông hiện hữu của Công ty. Vào ngày 25 tháng 12 năm 2015, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Giấy Chứng nhận số 109/GCN-UBCK liên quan đến việc phát hành này. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa phát hành cổ phiếu mới nêu trên.

22.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	30.000.000	20.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000

1200
CỔ
CỔ
THỰC
SAI
TRANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.4 Lãi trên cổ phiếu

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận thuần sau thuế (VND)	97.363.255.357	62.790.237.977
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	<u>(18.027.329.927)</u>	<u>(11.625.949.975)</u>
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)	79.335.925.430	51.164.288.002
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	20.000.000	12.720.439
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.967	4.022
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.967	4.022

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(*) Số tiền này được ước tính dựa trên tỷ lệ 19% trên lợi nhuận sau thuế trích lập cho quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm trước.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.888.900.275.137	2.900.377.298.770
Trong đó:		
Doanh thu bán thủy sản	2.800.872.197.440	2.837.204.154.833
Doanh thu bán hàng nông sản	88.028.077.697	63.173.143.937
Trừ:	(12.179.634.577)	(19.615.275.739)
Hàng bán trả lại	(9.299.173.604)	(19.615.275.739)
Giảm giá hàng bán	<u>(2.880.460.973)</u>	<u>-</u>
DOANH THU THUẦN	<u>2.876.720.640.560</u>	<u>2.880.762.023.031</u>
Trong đó:		
Doanh thu bán thủy sản	2.788.692.562.863	2.817.023.640.874
Doanh thu bán hàng nông sản	88.028.077.697	63.738.382.157

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	12.503.930.112	6.574.141.724
Lãi chênh lệch tỷ giá	<u>4.929.280.292</u>	<u>3.631.775.071</u>
TỔNG CỘNG	<u>17.433.210.404</u>	<u>10.205.916.795</u>

2015
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 PHÂN
 PHỐI
 TÁI
 SẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng thủy sản	2.551.123.789.074	2.613.897.353.720
Giá vốn hàng nông sản	53.745.913.804	38.909.361.984
TỔNG CỘNG	<u>2.604.869.702.878</u>	<u>2.652.806.715.704</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí vận chuyển	60.695.970.518	61.731.793.337
Chi phí hoa hồng	7.305.469.841	4.925.093.477
Lương	1.845.269.553	2.272.812.199
Khác	14.791.150.744	11.109.788.774
TỔNG CỘNG	<u>84.637.860.656</u>	<u>80.039.487.787</u>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương	38.823.437.352	14.229.411.798
Thuế và các lệ phí	4.431.359.549	4.248.118.815
Dự phòng phải thu khó đòi	1.299.390.000	18.473.223.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.077.175.311	24.650.728.418
TỔNG CỘNG	<u>60.631.362.212</u>	<u>61.601.482.456</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	2.250.104.089.700	2.487.639.884.894
Chi phí nhân công	231.219.536.468	198.568.497.346
Chi phí khấu hao và khấu trừ (Thuyết minh số 11 và 12)	33.443.115.189	22.994.563.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	204.810.643.212	191.099.195.339
TỔNG CỘNG	<u>2.719.577.384.569</u>	<u>2.900.302.141.073</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm	26.988.604.043	2.739.046.395
Chi phí lãi vay	15.848.117.857	12.978.085.957
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	5.623.397.943	2.654.933.570
TỔNG CỘNG	48.460.119.843	18.372.065.922

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	10.607.752.627	1.317.794.696
Tiền bồi thường nhận được (*)	10.470.843.577	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	896.060.126
Thu nhập từ bán phế liệu	-	421.734.570
Khác	136.909.050	-
Chi phí khác	(1.508.903.618)	(914.387.210)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	(742.631.716)	-
Điều chỉnh thuế GTGT được khấu trừ do hàng xuất khẩu bị trả lại	(371.754.554)	-
Tiền phạt	(354.574.187)	(774.016.744)
Khác	(39.943.161)	(140.370.466)
LỢI NHUẬN KHÁC	9.098.849.009	403.407.486

(*) Đây là khoản chênh lệch giữa tiền bồi thường nhận được từ nhà cung cấp và các chi phí liên quan đến việc thu hồi hàng bán bị trả lại do nguyên liệu kém chất lượng mua từ nhà cung cấp đó.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong các năm trước, Công ty áp dụng các mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dựa vào giấy chứng nhận kinh doanh như sau:

- ▶ Đối với hoạt động hàng nông sản: Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu hoạt động (từ 2008), được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2008 đến 2011), và được giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2020).
- ▶ Đối với lĩnh vực hoạt động thủy sản: Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN với mức thuế suất là 15% trong 12 năm (từ năm 2002 đến năm 2013), được miễn thuế TNDN trong 3 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (từ năm 2003 đến năm 2005), và được giảm 50% thuế TNDN trong 8 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2013).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Tuy nhiên, từ năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế TNDN ("Thông tư 96") và Công văn số 1327/CT-TTr từ Cục Thuế tỉnh Sóc Trăng ngày 1 tháng 12 năm 2015. Chi tiết như sau:

- ▶ Đối với hoạt động hàng nông sản và thủy sản ở vùng đặc biệt khó khăn: Công ty được miễn thuế TNDN trong suốt thời gian hoạt động.
- ▶ Đối với hoạt động hàng thủy sản ở vùng khó khăn: Công ty được hưởng lãi suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	6.538.523.678	16.506.495.311
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	630.232.755
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	751.875.349	(1.375.370.600)
TỔNG CỘNG	<u>7.290.399.027</u>	<u>15.761.357.466</u>

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.653.654.384	78.551.595.443
<i>Điều chỉnh:</i>		
Thay đổi trong dự phòng trợ cấp mất việc làm	(1.137.255.000)	6.876.853.000
Chi phí không được khấu trừ	1.277.508.407	6.218.907.182
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	-	(580.027.356)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	495.354.512	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	105.289.262.303	91.067.328.269
Chi phí thuế TNDN ước tính theo thuế suất phổ thông	23.163.637.707	20.034.812.219
Thuế TNDN được miễn, giảm	(16.625.114.029)	(3.528.316.908)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	630.232.755
Chi phí thuế TNDN ước tính cho năm hiện hành	6.538.523.678	17.136.728.066
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	5.320.050.260	2.425.800.365
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(10.788.372.451)	(14.242.478.171)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	1.070.201.487	5.320.050.260

30.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng trợ cấp thời việc phải trả	573.959.800	1.375.370.600	(801.410.800)	1.375.370.600
Lỗ tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	49.535.451	-	49.535.451	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	623.495.251	1.375.370.600		
<i>(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh</i>			(751.875.349)	1.375.370.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

31. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Cổ đông lớn	Chi trả cổ tức	65.760.002.500	7.655.385.000
Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Lâm Thủy Sản Bến Tre	Bên liên quan	Mua tôm nguyên liệu	2.754.000.000	21.122.326.800

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư phải trả bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Lâm Thủy Sản Bến Tre	Bên liên quan	Mua tôm nguyên liệu	-	7.070.256.000

Chi tiết tiền thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các chi phí liên quan	7.331.208.000	6.314.416.000

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trên 5 năm	23.596.556.760	23.596.556.760

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Hoạt động chính hiện nay của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm. Trong đó, doanh thu thủy sản chiếm tỷ trọng khoảng 98% trong tổng doanh thu. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh - thủy sản và khu vực địa lý - Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

34. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (US\$)	1.487.796	637.942
Yên Nhật (JPY)	47.452	33.790
Euro (EUR)	243	249
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		
Phải thu khách hàng	7.229.650.260	24.196.526.390
Trả trước cho người bán	1.000.000.000	1.344.739.000
Các khoản phải thu khác	-	422.038.291

35. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính năm nay. Chi tiết như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Các khoản tương đương tiền	139.400.000.000	(21.000.000.000)	118.400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	-	21.000.000.000	21.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	30.410.746.246	1.065.647.493	31.476.393.739
Tài sản ngắn hạn khác	1.065.647.493	(1.065.647.493)	-
Đầu tư dài hạn khác	10.400.000.000	(10.000.000.000)	400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	40.789.981.459	9.636.898.894	50.426.880.353
Quỹ dự phòng tài chính	9.636.898.894	(9.636.898.894)	-
	Năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2014 (được trình bày lại)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập khác	1.546.734.570	(228.939.874)	1.317.794.696
Chi phí khác	(1.143.327.084)	228.939.874	(914.387.210)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

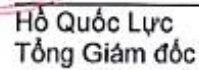
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty



Lưu Nguyễn Trúc Dung
Người lập



Tô Minh Chăng
Kế toán trưởng



Hồ Quốc Lực
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2016



XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

HỒ QUỐC LỰC